BỘ XÂY DỰNG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
TRƯỜNG ĐH KIẾN TRÚC HÀ NỘI	**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 631 /QĐ-ĐHKT-ĐT	*Hà Nội, ngày 13 tháng 12 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cho phép miễn học, miễn thi các học phần tiếng Anh đối với sinh viên khoá 23 đạt chuẩn đầu ra các học phần tiếng Anh

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC HÀ NỘI

Căn cứ Luật Giáo dục Đại học;

Căn cứ Quyết định số 181-CP ngày 17 tháng 9 năm 1969 của Hội đồng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Kiến trúc;

Căn cứ Quyết định số 88/QĐ-BXD ngày 25/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội;

Căn cứ Quy định giảng dạy và học ngoại ngữ của các Chương trình đào tạo trình độ đại học hệ chính quy ban hành kèm theo Quyết định số 379/QĐ-ĐHKT-ĐT ngày 24/08/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội;

Căn cứ Quy định giảng dạy và học tiếng anh các chương trình đào tạo thuộc Viện Đào tạo và Hợp tác Quốc tế ban hành kèm theo Quyết định 41/QĐ-ĐHKT-VĐTHTQT ngày 05/5/2020 cảu Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội;

Căn cứ kết quả kiểm tra trình độ tiếng Anh đầu vào (TOEIC Placenment) ngày 05/11/2023 và ngày 26/11/2023;

Xét đề nghị của Viện trưởng Viện Đào tạo và Hợp tác quốc tế và Trưởng phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép miễn học, miễn thi các học phần tiếng Anh tăng cường, tiếng Anh cơ bản và tiếng Anh nâng cao (thuộc Chương trình tiên tiến ngành Kiến trúc) đối với sinh viên khoá 23 đạt chuẩn đầu ra các học phần tiếng Anh dựa trên kết quả kiểm tra trình độ tiếng Anh đầu vào (TOEIC Placenment) ngày 05/11/2023 và ngày 26/11/2023 *(có danh sách kèm theo).*

Điều 2. Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và các sinh viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Ban Giám hiệu;
- Chủ tịch HĐT;
- Như Điều 2;
- Lưu: VT, ĐT.

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC

PGS.TS.KTS: Lê Quân

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN MIỄN HỌC, MIỄN THI CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG VÀ TIẾNG ANH CƠ BẢN

(Kèm theo Quyết định số: 631 /QĐ-ĐHKT-ĐT ngày 13 tháng 12 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội)

STT	Họ và tên		Ngày sinh	MSV	Khoa	Lớp	ĐIỂM TOEIC			Ngày thi
							Listening	Reading	Total	
1	Nguyen Tien	Phat	03-03-05	2351010436	Khoa Kiến trúc	23K4	495	485	***980***	05-11-23
2	Nguyen Phung Duy	Anh	25-04-05	2351010021	Khoa Kiến trúc	23K+	470	490	***960***	05-11-23
3	Nguyen Ngoc	Yen	03-12-05	2351080116	Khoa Quản lý đô thị	23QL2	485	465	***950***	05-11-23
4	Le Duy	Anh	22-10-05	2355010008	Khoa Công nghệ thông tin	23CN4	470	435	***905***	05-11-23
5	Tong Hoang	Hai	15-01-05	2355020030	Khoa Công nghệ thông tin	23CDP2	460	430	***890***	05-11-23
6	Nguyen Ha	Vi	11-11-05	2351010372	Khoa Kiến trúc	23K+	455	430	***885***	05-11-23
7	Nguyen Phu	Minh	28-01-05	2351010241	Khoa Kiến trúc	23K3	455	405	***860***	05-11-23
8	Dang Ha	Ngan	19-11-05	2351010258	Khoa Kiến trúc	23K+	455	405	***860***	05-11-23
9	Dao Anh	Tuan	06-07-05	2355020077	Khoa Công nghệ thông tin	23CDP1	455	405	***860***	05-11-23
10	Ha Anh	Dung	22-05-05	2355020018	Khoa Công nghệ thông tin	23CDP2	490	360	***850***	05-11-23
11	Dao Thi Khanh	Linh	18-09-05	2358040043	Khoa Thiết kế mỹ thuật	23TT1	455	375	***830***	05-11-23
12	Nguyen Duc	Chinh	08-12-05	2351010068	Khoa Kiến trúc	23K+	435	390	***825***	05-11-23
13	Phan Thanh	Dat	07-11-05	2355010058	Khoa Công nghệ thông tin	23CN2	415	410	***825***	05-11-23
14	Nguyen Hoang Hong	Son	07-12-05	2358010131	Khoa Thiết kế mỹ thuật	23DH2	440	380	***820***	05-11-23
15	Pham Gia	Khanh	07-06-05	2351010183	Khoa Kiến trúc	23K+	410	385	***795***	05-11-23
16	Bui Ha	Ly	18-05-05	2353010057	Khoa Quản lý đô thị	23KX1	415	380	***795***	05-11-23

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN MIỄN HỌC, MIỄN THI
CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG VÀ TIẾNG ANH CƠ BẢN

(Kèm theo Quyết định số: 631 /QĐ-ĐHKT-ĐT ngày 13 tháng 12 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội)

STT	Họ và tên		Ngày sinh	MSV	Khoa	Lớp	ĐIỂM TOEIC			Ngày thi
							Listening	Reading	Total	
17	Luu Hoang Tuan	Hung	09-08-05	2355020042	Khoa Công nghệ thông tin	23CDP2	400	390	***790***	05-11-23
18	Nguyen Duc	Khoi	18-09-05	2355010120	Khoa Công nghệ thông tin	23CN4	435	350	***785***	05-11-23
19	Pham Thi Minh	Ngoc	03-04-04	2358010183	Khoa Thiết kế mỹ thuật	23DH3	450	335	***785***	05-11-23
20	Cao Duc	Anh	23-09-05	2355010005	Khoa Công nghệ thông tin	23CN1	455	325	***780***	05-11-23
21	Tran Thuy	Duong	23-10-05	2356030012	Khoa Quản lý đô thị	23RM	400	380	***780***	05-11-23
22	Nguyen Trung	Thanh	22-02-05	2351080105	Khoa Quản lý đô thị	23QL1	430	350	***780***	05-11-23
23	Pham Thuy	Duong	08-02-05	2355020022	Khoa Công nghệ thông tin	23CDP2	410	365	***775***	05-11-23
24	Vuong Quynh	Phuong	01-09-05	2351010288	Khoa Kiến trúc	23K+	435	340	***775***	05-11-23
25	Nguyen Thi Thien	Huong	03-11-05	2353010045	Khoa Quản lý đô thị	23KX1	405	365	***770***	05-11-23
26	Luu Vinh Khoi	Nguyen	09-01-00	23501050052	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và Môi trường ĐT	23D2	365	405	***770***	05-11-23
27	Vu Quang	Khanh	12-10-05	2355010119	Khoa Công nghệ thông tin	23CN3	425	340	***765***	05-11-23
28	Chu Bao	Phuc	18-10-05	2356030041	Khoa Quản lý đô thị	23RM	420	345	***765***	05-11-23
29	Nguyen Chi Dinh	Sang	25-04-05	2351010307	Khoa Kiến trúc	23K2	415	350	***765***	05-11-23
30	Luu Co	Trinh	25-12-05	2358010163	Khoa Thiết kế mỹ thuật	23DH4	370	395	***765***	05-11-23
31	Le Minh	Tien	01-08-05	2351010315	Khoa Kiến trúc	23K2	385	375	***760***	05-11-23
32	Pham Le Khuong	Duy	16-09-05	2351010083	Khoa Kiến trúc	23K+	415	335	***750***	05-11-23

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN MIỄN HỌC, MIỄN THI
CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG VÀ TIẾNG ANH CƠ BẢN

(Kèm theo Quyết định số: 631 /QĐ-ĐHKT-ĐT ngày 13 tháng 12 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội)

STT	Họ và tên		Ngày sinh	MSV	Khoa	Lớp	ĐIỂM TOEIC			Ngày thi
							Listening	Reading	Total	
33	Hoang Bao	Huy	18-05-05	2355020040	Khoa Công nghệ thông tin	23CDP2	410	340	***750***	05-11-23
34	Nguyen Anh	Khoi	20-09-05	2356020116	Khoa Xây dựng	23DA3	400	350	***750***	05-11-23
35	Pham Nguyen Tung	Linh	07-12-05	2356010022	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và Môi trường ĐT	23ME	360	390	***750***	05-11-23
36	Trinh Van	Phuc	16-12-05	2351010281	Khoa Kiến trúc	23K2	415	335	***750***	05-11-23
37	Bui Duc	Trong	18-10-05	2356030053	Khoa Quản lý đô thị	23RM	370	380	***750***	05-11-23
38	Le Hoang Hai	Dang	21-08-05	2351010103	Khoa Kiến trúc	23K2	415	330	***745***	05-11-23
39	Le Quoc	Duy	16-05-05	2355010042	Khoa Công nghệ thông tin	23CN2	395	350	***745***	05-11-23
40	Nguyen Minh	Duc	08-02-05	2355010068	Khoa Công nghệ thông tin	23CN4	395	340	***735***	05-11-23
41	Phung Van Tuan	Hung	15-01-05	2356020022	Khoa Xây dựng	23DA1	440	295	***735***	05-11-23
42	Nguyen Duc	Anh	06-06-05	2351010019	Khoa Kiến trúc	23K5	360	370	***730***	05-11-23
43	Nguyen Hai	Dang	14-06-05	2358010042	Khoa Thiết kế mỹ thuật	23DH3	375	350	***725***	05-11-23
44	Nguyen Nhat	Nam	29-04-05	2355010144	Khoa Công nghệ thông tin	23CN4	350	375	***725***	05-11-23
45	Le Phuong	Thao	15-02-05	2355020080	Khoa Công nghệ thông tin	23CDP2	395	325	***720***	05-11-23
46	Leu Duy	Thong	18-11-05	2356020043	Khoa Xây dựng	23DA1	370	350	***720***	05-11-23
47	Do Bao	Chau	20-07-05	2351010061	Khoa Kiến trúc	23K4	345	370	***715***	05-11-23
48	Pham Nguyen The	Duy	28-07-05	2351010084	Khoa Kiến trúc	23K1	410	305	***715***	05-11-23

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN MIỄN HỌC, MIỄN THI
CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG VÀ TIẾNG ANH CƠ BẢN

(Kèm theo Quyết định số: 631 /QĐ-ĐHKT-ĐT ngày 13 tháng 12 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội)

STT	Họ và tên		Ngày sinh	MSV	Khoa	Lớp	ĐIỂM TOEIC			Ngày thi
							Listening	Reading	Total	
49	Nguyen Trong Tuan	Luc	09-08-05	2355020054	Khoa Công nghệ thông tin	23CDP2	325	385	***710***	05-11-23
50	Thai Doan Hoai	Nam	12-07-05	2355010145	Khoa Công nghệ thông tin	23CN1	370	335	***705***	05-11-23
51	Phan Ha	Phuong	09-03-05	2358010124	Khoa Thiết kế mỹ thuật	23DH1	440	265	***705***	05-11-23
52	Nguyen Tien	Dat	30-10-05	2355020023	Khoa Công nghệ thông tin	23CDP1	395	305	***700***	05-11-23
53	Vu The	Dat	07-02-05	2355020024	Khoa Công nghệ thông tin	23CDP2	395	305	***700***	05-11-23
54	Trinh Bach	Duong	22-12-05	2351010096	Khoa Kiến trúc	23K+	370	330	***700***	05-11-23
55	Le Anh	Tuan	14-06-05	2355020078	Khoa Công nghệ thông tin	23CDP2	345	355	***700***	05-11-23
56	Vo Hoang Anh	Tuan	20-07-04	2351010428	Khoa Kiến trúc	23K3	400	300	***700***	05-11-23
57	Ta Minh	Ngoc	05-12-05	2355010150	Khoa Công nghệ thông tin	23CN2	335	360	***695***	05-11-23
58	Bui Thi Huong	Giang	11-01-05	2358010044	Khoa Thiết kế mỹ thuật	23DH2	350	340	***690***	05-11-23
59	Nguyen Phuong	Thao	27-08-05	2355020081	Khoa Công nghệ thông tin	23CDP1	325	365	***690***	05-11-23
60	Nguyen Kieu	Trang	31-03-05	2358040080	Khoa Thiết kế mỹ thuật	23TT2	355	335	***690***	05-11-23
61	Pham Hiep	Hoa	27-08-05	2355020035	Khoa Công nghệ thông tin	23CDP1	335	350	***685***	05-11-23
62	Dam Tran Minh	Quang	11-11-05	2355020072	Khoa Công nghệ thông tin	23CDP2	365	320	***685***	05-11-23
63	Tuong Huong	Thao	22-08-05	2351010336	Khoa Kiến trúc	23K1	330	355	***685***	05-11-23
64	Chu Viet	Hoang	10-06-05	2351030087	Khoa Xây dựng	23X3	360	320	***680***	05-11-23

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN MIỄN HỌC, MIỄN THI
CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG VÀ TIẾNG ANH CƠ BẢN

(Kèm theo Quyết định số: 631 /QĐ-ĐHKT-ĐT ngày 13 tháng 12 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội)

STT	Họ và tên		Ngày sinh	MSV	Khoa	Lớp	ĐIỂM TOEIC			Ngày thi
							Listening	Reading	Total	
65	Kim Hai	Long	18-01-05	2355010128	Khoa Công nghệ thông tin	23CN4	345	335	***680***	05-11-23
66	Can Long	Nhi	26-09-05	2355020067	Khoa Công nghệ thông tin	23CDP1	360	320	***680***	05-11-23
67	Ngo Phuong	Yen	20-09-05	2353040063	Khoa Quản lý đô thị	23DE	375	305	***680***	05-11-23
68	Do Phuong	Anh	08-01-05	2353010004	Khoa Quản lý đô thị	23KX2	400	275	***675***	05-11-23
69	Le Minh	Khoi	14-08-05	2351080061	Khoa Quản lý đô thị	23QL1	350	325	***675***	05-11-23
70	Nguyen Phuong	Nhi	19-11-05	2351010410	Khoa Kiến trúc	23K1	310	365	***675***	05-11-23
71	Nguyen Lan	Anh	08-07-05	2358010019	Khoa Thiết kế mỹ thuật	23DH1	305	365	***670***	05-11-23
72	Nhu Thi Minh	Chau	29-04-05	2358010028	Khoa Thiết kế mỹ thuật	23DH1	340	330	***670***	05-11-23
73	Nguyen Duong Thuy	Tien	28-09-05	2358010134	Khoa Thiết kế mỹ thuật	23DH2	365	305	***670***	05-11-23
74	Vu Duc	Thinh	23-01-05	2351010345	Khoa Kiến trúc	23K6	315	350	***665***	05-11-23
75	Ha Anh	Duong	20-08-05	2355010046	Khoa Công nghệ thông tin	23CN2	365	295	***660***	05-11-23
76	Do Hoai	Phuong	07-05-05	2358040062	Khoa Thiết kế mỹ thuật	23TT2	390	270	***660***	05-11-23
77	Nguyen Trong Hien	Tri	23-04-05	2351070043	Khoa Xây dựng	23XN	355	305	***660***	05-11-23
78	Nguyen Quang	Huy	19-01-05	2355010099	Khoa Công nghệ thông tin	23CN3	360	295	***655***	05-11-23
79	Duong Ngoc	Linh	11-10-05	2351010196	Khoa Kiến trúc	23K6	335	320	***655***	05-11-23
80	Dam Nhat	Minh	09-10-05	2355020059	Khoa Công nghệ thông tin	23CDP1	325	330	***655***	05-11-23

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN MIỄN HỌC, MIỄN THI
CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG VÀ TIẾNG ANH CƠ BẢN

(Kèm theo Quyết định số: 631 /QĐ-ĐHKT-ĐT ngày 13 tháng 12 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội)

STT	Họ và tên		Ngày sinh	MSV	Khoa	Lớp	ĐIỂM TOEIC			Ngày thi
							Listening	Reading	Total	
81	Do Viet	Anh	13-06-05	2351010407	Khoa Kiến trúc	23K4	355	295	***650***	05-11-23
82	Nguyen Cong	Phuc	06-03-05	2351030153	Khoa Xây dựng	23K+	330	320	***650***	05-11-23
83	Nguyen Thi Quynh	Anh	21-12-05	2358010022	Khoa Thiết kế mỹ thuật	23DH1	375	270	***645***	05-11-23
84	Le Minh	Duc	17-01-05	2353030010	Khoa Quản lý đô thị	23TL	320	325	***645***	05-11-23
85	Le Nguyet	Minh	21-12-05	2358010100	Khoa Thiết kế mỹ thuật	23DH1	340	305	***645***	05-11-23
86	Vu Thao	My	11-04-05	2355020062	Khoa Công nghệ thông tin	23CDP2	330	315	***645***	05-11-23
87	Tran Trong	Hung	12-12-05	2356030023	Khoa Quản lý đô thị	23RM	310	330	***640***	05-11-23
88	Nguyen Thi Thuy	Linh	22-10-05	2358040046	Khoa Thiết kế mỹ thuật	23TT2	315	320	***635***	05-11-23
89	Ho Hoang	Nhat	02-09-05	2351050054	Khoa Quản lý đô thị	23D2	375	260	***635***	05-11-23
90	Nguyen Duy Hoang	Tung	08-01-05	2351010325	Khoa Kiến trúc	23K+	320	315	***635***	05-11-23
91	Dao Duy	Anh	31-03-05	2355020001	Khoa Công nghệ thông tin	23CDP1	350	280	***630***	05-11-23
92	Hoang Phuong	Anh	07-07-05	2351050003	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và Môi trường ĐT	23D1	360	270	***630***	05-11-23
93	Tran Hoang	Nam	05-09-05	2355020064	Khoa Công nghệ thông tin	23CDP2	375	255	***630***	05-11-23
94	Vu Nguyen Duy	Anh	29-11-05	2351080010	Khoa Quản lý đô thị	23QL2	330	295	***625***	05-11-23
95	Dam Viet	Phi	24-10-05	2353010076	Khoa Quản lý đô thị	23KX2	375	250	***625***	05-11-23
96	Bui Vu Khanh	Hoang	16-02-05	2351050033	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và Môi trường ĐT	23D1	285	335	***620***	05-11-23

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN MIỄN HỌC, MIỄN THI
CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG VÀ TIẾNG ANH CƠ BẢN

(Kèm theo Quyết định số: 631 /QĐ-ĐHKT-ĐT ngày 13 tháng 12 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội)

STT	Họ và tên		Ngày sinh	MSV	Khoa	Lớp	ĐIỂM TOEIC			Ngày thi
							Listening	Reading	Total	
97	Cao Tran	Kiet	03-08-05	2351090024	Khoa Xây dựng	23VL	320	300	***620***	05-11-23
98	Do Mai	Anh	20-06-05	2353010003	Khoa Quản lý đô thị	23KX1	330	285	***615***	05-11-23
99	Hoang Phuong	Anh	07-07-05	2358010010	Khoa Thiết kế mỹ thuật	23DH1	335	280	***615***	05-11-23
100	Pham Quoc	Anh	05-01-05	2355010015	Khoa Công nghệ thông tin	23CN3	385	230	***615***	05-11-23
101	Doan Thuy	Hang	04-03-05	2355020032	Khoa Công nghệ thông tin	23CDP2	325	290	***615***	05-11-23
102	Nguyen Ngoc Yen	Nhi	26-01-05	2358030021	Khoa Thiết kế mỹ thuật	23DK	360	255	***615***	05-11-23
103	Duong Quang	Trung	24-02-05	2351010365	Khoa Kiến trúc	23K4	345	270	***615***	05-11-23
104	Dang Le	Giang	13-07-05	2358030006	Khoa Thiết kế mỹ thuật	23DK	255	355	***610***	05-11-23
105	Le Quang	Huy	26-05-05	2351050036	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và Môi trường ĐT	23D2	370	240	***610***	05-11-23
106	Nguyen Thi Minh	Ngoc	06-11-05	2358010115	Khoa Thiết kế mỹ thuật	23DH1	360	250	***610***	05-11-23
107	Nguyen Thi Thien	Binh	23-10-05	2358010027	Khoa Thiết kế mỹ thuật	23DH3	340	265	***605***	05-11-23
108	Nguyen Minh	Hieu	09-09-05	2355010079	Khoa Công nghệ thông tin	23CN3	325	280	***605***	05-11-23
109	Tran Thi	Huyen	05-08-05	2355020041	Khoa Công nghệ thông tin	23CDP1	305	300	***605***	05-11-23
110	Doan Nhu	Ngoc	24-06-05	2358010111	Khoa Thiết kế mỹ thuật	23DH4	285	320	***605***	05-11-23
111	Huynh Hua Binh	Nguyen	03-09-05	2351010265	Khoa Kiến trúc	23K2	370	235	***605***	05-11-23
112	Do Duc	Hieu	28-01-05	2355020034	Khoa Công nghệ thông tin	23CDP2	285	315	***600***	05-11-23

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN MIỄN HỌC, MIỄN THI CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG VÀ TIẾNG ANH CƠ BẢN

(Kèm theo Quyết định số: 631 /QĐ-ĐHKT-ĐT ngày 13 tháng 12 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội)

STT	Họ và tên		Ngày sinh	MSV	Khoa	Lớp	ĐIỂM TOEIC			Ngày thi
							Listening	Reading	Total	
113	Bui Minh	Hung	24-07-05	2353010037	Khoa Quản lý đô thị	23KX1	280	320	***600***	05-11-23
114	Dang Le	Kha	18-01-05	2353010046	Khoa Quản lý đô thị	23KX2	325	275	***600***	05-11-23
115	Do Hoang Phi	Long	06-04-04	2351010423	Khoa Kiến trúc	23K2	340	260	***600***	05-11-23
116	Phan Viet	Trung	01-12-05	2351030203	Khoa Xây dựng	23X3	325	275	***600***	05-11-23
117	Do Quoc	Cuong	09-12-05	2355020012	Khoa Công nghệ thông tin	23CDP2	345	250	***595***	05-11-23
118	Pham Thi Hong	Diem	19-02-05	2358010031	Khoa Thiết kế mỹ thuật	23DH1	270	325	***595***	05-11-23
119	Nguyen Manh	Dung	25-04-05	2351010398	Khoa Kiến trúc	23K+	340	255	***595***	05-11-23
120	Nguyen Duc	Manh	13-05-05	2355020058	Khoa Công nghệ thông tin	23CDP2	305	290	***595***	05-11-23
121	Huynh Minh	Quoc	13-09-05	2351010300	Khoa Kiến trúc	23K+	305	290	***595***	05-11-23
122	Nguyen Chi	Thanh	15-07-05	2353010094	Khoa Quản lý đô thị	23KX2	315	280	***595***	05-11-23
123	Nguyen Diep	Anh	22-02-05	2351010016	Khoa Kiến trúc	23K+	320	270	***590***	05-11-23
124	Nguyen Minh	Chau	12-07-05	2351080015	Khoa Quản lý đô thị	23QL1	335	255	***590***	05-11-23
125	Dang Tien	Anh	18-01-05	2355020002	Khoa Công nghệ thông tin	23CDP2	360	225	***585***	05-11-23
126	Pham Nguyen Thanh	Duong	06-06-05	2351010404	Khoa Kiến trúc	23K1	315	270	***585***	05-11-23
127	Bui Thi Phuong	Nghia	03-11-05	2355020065	Khoa Công nghệ thông tin	23CDP1	250	335	***585***	05-11-23
128	Le Hong	Phong	14-10-05	2355010158	Khoa Công nghệ thông tin	23CN2	295	290	***585***	05-11-23

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN MIỄN HỌC, MIỄN THI
CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG VÀ TIẾNG ANH CƠ BẢN

(Kèm theo Quyết định số: 631 /QĐ-ĐHKT-ĐT ngày 13 tháng 12 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội)

STT	Họ và tên		Ngày sinh	MSV	Khoa	Lớp	ĐIỂM TOEIC			Ngày thi
							Listening	Reading	Total	
129	Luong Minh	Thuong	16-10-05	2351010355	Khoa Kiến trúc	23K+	270	315	***585***	05-11-23
130	Tran Thuy	Anh	22-12-05	2351010034	Khoa Kiến trúc	23K+	350	230	***580***	05-11-23
131	Pham Khac Huy	Hoang	17-09-05	2351050099	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và Môi trường ĐT	23D2	365	215	***580***	05-11-23
132	Le Phuong	Thao	13-11-05	2351010399	Khoa Kiến trúc	23K2	280	300	***580***	05-11-23
133	Do Hoai	Thu	06-04-05	2358010150	Khoa Thiết kế mỹ thuật	23DH3	280	300	***580***	05-11-23
134	Vu Anh	Thu	14-01-05	2355020085	Khoa Công nghệ thông tin	23CDP1	285	295	***580***	05-11-23
135	Chu Kieu	Trang	05-05-05	2355020087	Khoa Công nghệ thông tin	23CDP1	350	230	***580***	05-11-23
136	Nguyen Duc	Binh	27-02-05	2351050098	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và Môi trường ĐT	23D2	360	215	***575***	05-11-23
137	Vu Le Thao	My	05-07-05	2353020036	Khoa Quản lý đô thị	23IE	270	305	***575***	05-11-23
138	Tran Bao	Ngoc	27-03-05	2355020066	Khoa Công nghệ thông tin	23CDP2	310	265	***575***	05-11-23
139	Dinh Kim	Phuc	15-11-05	2351080088	Khoa Quản lý đô thị	23QL2	335	240	***575***	05-11-23
140	Le Gia	Bao	19-02-05	2353020005	Khoa Quản lý đô thị	23IE	265	305	***570***	05-11-23
141	Doan Huy	Dang	25-07-05	2351030061	Khoa Xây dựng	23X+	320	250	***570***	05-11-23
142	Pham Thuy	Duong	30-12-05	2358010039	Khoa Thiết kế mỹ thuật	23DH3	340	230	***570***	05-11-23
143	Nguyen Ha	Giang	28-12-04	2358010180	Khoa Thiết kế mỹ thuật	23DH4	305	265	***570***	05-11-23
144	Phung Thien	An	19-06-05	2351080003	Khoa Quản lý đô thị	23QL1	320	245	***565***	05-11-23

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN MIỄN HỌC, MIỄN THI
CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG VÀ TIẾNG ANH CƠ BẢN

(Kèm theo Quyết định số: 631 /QĐ-ĐHKT-ĐT ngày 13 tháng 12 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội)

STT	Họ và tên		Ngày sinh	MSV	Khoa	Lớp	ĐIỂM TOEIC			Ngày thi
							Listening	Reading	Total	
145	Tran Phan Gia	Hung	01-01-05	2353010043	Khoa Quản lý đô thị	23KX1	330	235	***565***	05-11-23
146	Nguyen Phuong	Mai	06-05-05	2358010092	Khoa Thiết kế mỹ thuật	23DH2	340	225	***565***	05-11-23
147	Nguyen Hoang Yen	Nhi	20-06-05	2351010392	Khoa Kiến trúc	23K1	310	255	***565***	05-11-23
148	Luu Hoang Hieu	Thuan	22-01-05	2351030196	Khoa Xây dựng	23X+	345	220	***565***	05-11-23
149	Vu Hai	Yen	12-04-05	2358010176	Khoa Thiết kế mỹ thuật	23DH2	310	255	***565***	05-11-23
150	Dang Van	Dung	22-09-05	2355010039	Khoa Công nghệ thông tin	23CN3	310	250	***560***	05-11-23
151	Nguyen Hoang Thu	Giang	08-03-05	2351010114	Khoa Kiến trúc	23K5	285	275	***560***	05-11-23
152	Dang Hoang	Lan	10-08-05	2355020048	Khoa Công nghệ thông tin	23CDP2	275	285	***560***	05-11-23
153	Phung Duy	Nhat	07-12-05	2351010271	Khoa Kiến trúc	23K6	225	335	***560***	05-11-23
154	Nguyen Duy	Tan	28-02-05	2355010175	Khoa Công nghệ thông tin	23DK	280	280	***560***	05-11-23
155	Nguyen Duc	Tri	01-01-05	2351010364	Khoa Kiến trúc	23K3	255	305	***560***	05-11-23
156	Nguyen Minh	Ngoc	27-07-05	2351080085	Khoa Quản lý đô thị	23QL1	335	220	***555***	05-11-23
157	Nguyen Bao	Son	24-10-05	2353010086	Khoa Quản lý đô thị	23KX2	310	245	***555***	05-11-23
158	Ta Huong	Thao	14-07-05	2358040071	Khoa Thiết kế mỹ thuật	23TT1	285	270	***555***	05-11-23
159	Le Hoang Tuan	Dat	27-01-05	2356030013	Khoa Quản lý đô thị	23RM	310	240	***550***	05-11-23
160	Kieu Ngoc	Linh	29-11-05	2355010122	Khoa Công nghệ thông tin	23CN2	260	290	***550***	05-11-23

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN MIỄN HỌC, MIỄN THI CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG VÀ TIẾNG ANH CƠ BẢN

(Kèm theo Quyết định số: 631 /QĐ-ĐHKT-ĐT ngày 13 tháng 12 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội)

STT	Họ và tên		Ngày sinh	MSV	Khoa	Lớp	ĐIỂM TOEIC			Ngày thi
							Listening	Reading	Total	
161	Pham Thi	Nhung	17-09-05	2355020068	Khoa Công nghệ thông tin	23CDP2	220	330	***550***	05-11-23
162	Nguyen Hong	Phong	24-02-05	2353040041	Khoa Quản lý đô thị	23DE	350	200	***550***	05-11-23
163	Nguyen Quynh	Anh	21-12-05	2351010024	Khoa Kiến trúc	23K+	285	260	***545***	05-11-23
164	Tran Huong	Giang	04-01-05	2355020027	Khoa Công nghệ thông tin	23CDP1	275	270	***545***	05-11-23
165	Nguyen Huu	Hao	23-10-05	2353030015	Khoa Quản lý đô thị	23TL	225	320	***545***	05-11-23
166	Nguyen Le	Minh	06-07-03	2351010427	Khoa Kiến trúc	23K1	295	250	***545***	05-11-23
167	Nguyen Bui Phuc	Thai	18-07-05	2351030183	Khoa Xây dựng	23X+	280	265	***545***	05-11-23
168	Vu Manh	Dung	24-01-05	2351030045	Khoa Xây dựng	23X3	325	215	***540***	05-11-23
169	Le Thuy	Duong	18-10-05	2351010091	Khoa Kiến trúc	23K+	330	210	***540***	05-11-23
170	Le Thu	Giang	23-11-05	2353010026	Khoa Quản lý đô thị	23KX2	300	240	***540***	05-11-23
171	Ngo Dieu	Hang	28-09-05	2358010052	Khoa Thiết kế mỹ thuật	23DH1	305	235	***540***	05-11-23
172	Truong Duc	Hieu	04-05-05	2356020108	Khoa Xây dựng	23DA3	315	225	***540***	05-11-23
173	Ha Duc	Huy	22-01-05	2355010097	Khoa Công nghệ thông tin	23CN1	375	165	***540***	05-11-23
174	Do Thao	Linh	24-03-05	2355020051	Khoa Công nghệ thông tin	23CDP1	270	270	***540***	05-11-23
175	Nguyen Thanh	Tung	11-03-05	2351080101	Khoa Quản lý đô thị	23QL1	320	220	***540***	05-11-23
176	Trinh Khanh	Van	08-04-05	2356020046	Khoa Xây dựng	23DA1	335	205	***540***	05-11-23

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN MIỄN HỌC, MIỄN THI CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG VÀ TIẾNG ANH CƠ BẢN

(Kèm theo Quyết định số: 631 /QĐ-ĐHKT-ĐT ngày 13 tháng 12 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội)

STT	Họ và tên		Ngày sinh	MSV	Khoa	Lớp	ĐIỂM TOEIC			Ngày thi
							Listening	Reading	Total	
177	Luu Hai	An	22-10-05	2351030001	Khoa Xây dựng	23X1	320	215	***535***	05-11-23
178	Nguyen Thanh	Huyen	23-05-05	2358030012	Khoa Thiết kế mỹ thuật	23DK	245	290	***535***	05-11-23
179	Tran Tung	Lam	02-12-05	2351080063	Khoa Quản lý đô thị	23QL1	260	275	***535***	05-11-23
180	Ha Tran Van	Ly	14-06-04	2358010089	Khoa Thiết kế mỹ thuật	23DH4	280	255	***535***	05-11-23
181	Trinh Hai	Nam	27-06-04	2351030217	Khoa Xây dựng	23X3	280	255	***535***	05-11-23
182	Le Tuan	Phong	26-02-05	2355010159	Khoa Công nghệ thông tin	23CN3	280	255	***535***	05-11-23
183	Ly The	Vinh	12-07-05	2353010111	Khoa Quản lý đô thị	23KX1	240	295	***535***	05-11-23
184	Tran Hieu	Khang	18-11-05	2355010115	Khoa Công nghệ thông tin	23CN3	325	205	***530***	05-11-23
185	Nguyen Ngoc	Lan	14-02-05	2351010190	Khoa Kiến trúc	23K2	330	200	***530***	05-11-23
186	Pham Thi Van	Anh	17-10-05	2358040008	Khoa Thiết kế mỹ thuật	23TT2	270	255	***525***	05-11-23
187	Chu Anh	Huy	06-09-05	2351010140	Khoa Kiến trúc	23K2	270	255	***525***	05-11-23
188	Duong Vi	Son	30-10-05	2355010170	Khoa Công nghệ thông tin	23CN2	275	250	***525***	05-11-23
189	Ha Duc	Thinh	27-01-05	2356020135	Khoa Xây dựng	23DA3	285	240	***525***	05-11-23
190	Nguyen Thi Huong	Giang	04-10-05	2355020026	Khoa Công nghệ thông tin	23CDP2	320	200	***520***	05-11-23
191	Vu Ngoc	Son	21-07-05	2355010173	Khoa Công nghệ thông tin	23CN1	250	270	***520***	05-11-23
192	Dao Thi Thuy	Yen	30-05-05	2355020091	Khoa Công nghệ thông tin	23CDP1	295	225	***520***	05-11-23

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN MIỄN HỌC, MIỄN THI
CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG VÀ TIẾNG ANH CƠ BẢN

(Kèm theo Quyết định số: 631 /QĐ-ĐHKT-ĐT ngày 13 tháng 12 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội)

STT	Họ và tên		Ngày sinh	MSV	Khoa	Lớp	ĐIỂM TOEIC			Ngày thi
							Listening	Reading	Total	
193	Mai Van	Anh	10-03-04	2355010212	Khoa Công nghệ thông tin	23CN4	255	260	***515***	05-11-23
194	Nguyen Huu	Hung	07-04-05	2353010038	Khoa Quản lý đô thị	23KX2	335	180	***515***	05-11-23
195	Nguyen Viet Hoang	Son	11-10-05	2356020001	Khoa Xây dựng	23DA2	265	250	***515***	05-11-23
196	Quang Thi Ha	Tam	19-12-05	2358010132	Khoa Thiết kế mỹ thuật	23DH3	330	185	***515***	05-11-23
197	Cu Huy	Dung	02-02-05	2355010038	Khoa Công nghệ thông tin	23CN2	280	230	***510***	05-11-23
198	Le	Hoang	30-06-05	2356030018	Khoa Quản lý đô thị	23RM	320	190	***510***	05-11-23
199	Nguyen Khanh	Hung	10-12-04	2351030103	Khoa Xây dựng	23X2	185	325	***510***	05-11-23
200	Ngo Phuong	Linh	12-02-05	2351010401	Khoa Kiến trúc	23K4	255	255	***510***	05-11-23
201	Nguyen Yen	Linh	29-11-05	2356020028	Khoa Xây dựng	23DA1	285	225	***510***	05-11-23
202	Mai Thanh	Long	08-07-05	2351010214	Khoa Kiến trúc	23K4	255	255	***510***	05-11-23
203	Nguyen Duc	Son	18-11-05	2351060017	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và Môi trường ĐT	23M	320	190	***510***	05-11-23
204	Bui Minh	Tam	05-10-05	2355020073	Khoa Công nghệ thông tin	23CDP1	225	285	***510***	05-11-23
205	Nguyen Quang	Huy	07-10-05	2355010101	Khoa Công nghệ thông tin	23CN1	270	235	***505***	05-11-23
206	Nguyen Gia	Khanh	18-08-05	2355010117	Khoa Công nghệ thông tin	23CN1	215	290	***505***	05-11-23
207	Nguyen Thao	Ly	26-02-05	2358040054	Khoa Thiết kế mỹ thuật	23TT2	210	295	***505***	05-11-23
208	Nguyen Duy	Nhan	02-01-05	2351010269	Khoa Kiến trúc	23K4	240	265	***505***	05-11-23

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN MIỄN HỌC, MIỄN THI
CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG VÀ TIẾNG ANH CƠ BẢN

(Kèm theo Quyết định số: 631 /QĐ-ĐHKT-ĐT ngày 13 tháng 12 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội)

STT	Họ và tên		Ngày sinh	MSV	Khoa	Lớp	ĐIỂM TOEIC			Ngày thi
							Listening	Reading	Total	
209	Nguyen Phuong	Anh	03-03-05	2356020050	Khoa Xây dựng	23DA2	290	210	***500***	05-11-23
210	Pham Ngoc	Duy	09-02-05	2355010043	Khoa Công nghệ thông tin	23CN3	290	210	***500***	05-11-23
211	Nguyen Thi Thanh	Hai	12-03-05	2355020029	Khoa Công nghệ thông tin	23CDP1	275	225	***500***	05-11-23
212	Nguyen Thu	Huong	01-02-05	2355020045	Khoa Công nghệ thông tin	23CDP1	295	205	***500***	05-11-23
213	Nguyen Le Gia	Huy	20-05-05	2351010147	Khoa Kiến trúc	23K1	320	180	***500***	05-11-23
214	Hoang Thanh	Nga	16-08-05	2351010254	Khoa Kiến trúc	23K1	290	210	***500***	05-11-23
215	Vu Anh	Nguyet	21-06-05	2351010268	Khoa Kiến trúc	23K3	265	235	***500***	05-11-23
216	Le Van Anh	Quan	07-07-05	2351010296	Khoa Kiến trúc	23K3	260	240	***500***	05-11-23
217	Phan Thu	Thuy	13-05-05	2351050103	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và Môi trường ĐT	23D1	260	240	***500***	05-11-23
218	Tran Duy	Hoang	03-01-05	2355010088	Khoa Công nghệ thông tin	23CN4	210	285	***495***	05-11-23
219	Nguyen Quoc	Huy	21-10-05	2351010152	Khoa Kiến trúc	23K6	220	275	***495***	05-11-23
220	Pham Khanh	Ly	07-11-05	2355010134	Khoa Công nghệ thông tin	23CN2	315	180	***495***	05-11-23
221	Ha Nhat	Phong	30-07-05	235501057	Khoa Công nghệ thông tin	23CN1	255	240	***495***	05-11-23
222	Do Duc	Anh	21-06-05	2353010002	Khoa Quản lý đô thị	23KX2	240	250	***490***	05-11-23
223	Nguyen Thi Van	Anh	12-06-05	2353040002	Khoa Quản lý đô thị	23ĐE	280	210	***490***	05-11-23
224	Ban My	Loan	05-08-05	2358040052	Khoa Thiết kế mỹ thuật	23TT2	320	170	***490***	05-11-23

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN MIỄN HỌC, MIỄN THI CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG VÀ TIẾNG ANH CƠ BẢN

(Kèm theo Quyết định số: 631 /QĐ-ĐHKT-ĐT ngày 13 tháng 12 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội)

STT	Họ và tên		Ngày sinh	MSV	Khoa	Lớp	ĐIỂM TOEIC			Ngày thi
							Listening	Reading	Total	
225	Phan Thi Hoai	Nhu	10-01-05	2353020042	Khoa Quản lý đô thị	23IE	225	265	***490***	05-11-23
226	Dinh Hong	Phuc	23-11-05	2351010279	Khoa Kiến trúc	23K6	235	255	***490***	05-11-23
227	Ngo Phuong	Anh	07-07-05	2356030003	Khoa Quản lý đô thị	23RM	320	165	***485***	05-11-23
228	Nguyen Thuy	Linh	16-10-05	2358010084	Khoa Thiết kế mỹ thuật	23DH4	225	260	***485***	05-11-23
229	Hoang Thi Tra	My	27-09-05	2358040056	Khoa Thiết kế mỹ thuật	23TT2	190	295	***485***	05-11-23
230	Bui Huy	Ninh	10-02-05	2351030143	Khoa Xây dựng	23X+	245	240	***485***	05-11-23
231	Vu Viet	Tien	01-07-05	2351010317	Khoa Kiến trúc	23K5	270	215	***485***	05-11-23
232	Dang Duy	Anh	16-02-05	2355010006	Khoa Công nghệ thông tin	23CN2	265	215	***480***	05-11-23
233	Hoang Duy	Anh	27-04-05	2353010006	Khoa Quản lý đô thị	23KX2	255	225	***480***	05-11-23
234	Dong Quoc	Cuong	17-05-05	2351010059	Khoa Kiến trúc	23K3	300	180	***480***	05-11-23
235	Nguyen Quang	Minh	20-05-05	2356020031	Khoa Xây dựng	23DA1	285	195	***480***	05-11-23
236	Do Hoang	Nam	07-06-05	2351010249	Khoa Kiến trúc	23K3	255	225	***480***	05-11-23
237	Nguyen Khanh	Ngoc	17-05-05	2358010112	Khoa Thiết kế mỹ thuật	23DH1	245	235	***480***	05-11-23
238	Nguyen Thao	Nguyen	13-06-05	2351010266	Khoa Kiến trúc	23K4	255	225	***480***	05-11-23
239	Pham Thi	Oanh	03-10-99	2353020043	Khoa Quản lý đô thị	23IE	210	270	***480***	05-11-23
240	Ma Hoang	Vu	20-12-05	2355010209	Khoa Công nghệ thông tin	23CN1	265	215	***480***	05-11-23

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN MIỄN HỌC, MIỄN THI
CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG VÀ TIẾNG ANH CƠ BẢN

(Kèm theo Quyết định số: 631 /QĐ-ĐHKT-ĐT ngày 13 tháng 12 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội)

STT	Họ và tên		Ngày sinh	MSV	Khoa	Lớp	ĐIỂM TOEIC			Ngày thi
							Listening	Reading	Total	
241	Nguyen Ngoc	Anh	07-01-05	2351080005	Khoa Quản lý đô thị	23QL1	295	180	***475***	05-11-23
242	Nguyen Thi Hai	Anh	28-04-04	2358040092	Khoa Thiết kế mỹ thuật	23TT1	285	190	***475***	05-11-23
243	Duong Ngoc	Bich	24-04-05	2351010051	Khoa Kiến trúc	23K+	275	200	***475***	05-11-23
244	Nguyen Ngoc Khanh	Binh	06-11-05	2355010029	Khoa Công nghệ thông tin	23CN1	265	210	***475***	05-11-23
245	Nguyen Tung	Lam	13-01-05	2353030029	Khoa Quản lý đô thị	23TL	260	215	***475***	05-11-23
246	Nguyen Phuong	Anh	12-04-04	2358010187	Khoa Thiết kế mỹ thuật	23DH3	235	235	***470***	05-11-23
247	Vu Tien	Cuong	13-11-05	2351030034	Khoa Xây dựng	23X+	255	215	***470***	05-11-23
248	Nguyen Trung	Hieu	12-04-05	2358010056	Khoa Thiết kế mỹ thuật	23DH2	175	295	***470***	05-11-23
249	Ha Ngoc	Khanh	02-03-03	2351090026	Khoa Xây dựng	23VL	255	215	***470***	05-11-23
250	Pham Quang	Minh	09-06-05	2355010141	Khoa Công nghệ thông tin	23CN1	260	210	***470***	05-11-23
251	Hoang Thi	Mo	22-08-05	2355020060	Khoa Công nghệ thông tin	23CDP2	205	265	***470***	05-11-23
252	Bui Ngoc	Tran	23-11-05	2351010363	Khoa Kiến trúc	23K2	265	205	***470***	05-11-23
253	Nguyen Son	Vu	09-06-05	2355010210	Khoa Công nghệ thông tin	23CN2	265	205	***470***	05-11-23
254	Dinh Duy	Anh	13-08-05	2356020002	Khoa Xây dựng	23DA1	255	210	***465***	05-11-23
255	Pham Duy	Anh	08-07-05	2351010028	Khoa Kiến trúc	23K6	285	180	***465***	05-11-23
256	Nguyen Viet	Duc	22-11-05	2351030070	Khoa Xây dựng	23X2	260	205	***465***	05-11-23

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN MIỄN HỌC, MIỄN THI
CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG VÀ TIẾNG ANH CƠ BẢN

(Kèm theo Quyết định số: 631 /QĐ-ĐHKT-ĐT ngày 13 tháng 12 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội)

STT	Họ và tên		Ngày sinh	MSV	Khoa	Lớp	ĐIỂM TOEIC			Ngày thi
							Listening	Reading	Total	
257	Ngo Hoang	Duong	08-01-05	2351030055	Khoa Xây dựng	23X+	265	200	***465***	05-11-23
258	Nguyen Thi Quynh	Giang	19-05-05	2358040020	Khoa Thiết kế mỹ thuật	23TT2	210	255	***465***	05-11-23
259	Le Hai	Linh	29-12-05	2353040026	Khoa Quản lý đô thị	23DE	250	215	***465***	05-11-23
260	Trinh Dieu	Linh	03-04-05	2351010206	Khoa Kiến trúc	23K3	245	220	***465***	05-11-23
261	Tran Hoang	Son	24-05-05	2356020132	Khoa Xây dựng	23DA3	240	225	***465***	05-11-23
262	Dang Hai	Thinh	04-11-05	2351010343	Khoa Kiến trúc	23K+	195	270	***465***	05-11-23
263	Nong Thien	Truong	17-09-05	2351080114	Khoa Quản lý đô thị	23QL2	245	220	***465***	05-11-23
264	Do Xuan	Van	23-01-05	2351010371	Khoa Kiến trúc	23K6	270	195	***465***	05-11-23
265	Mai Cam Tu	Anh	29-11-05	2358040004	Khoa Thiết kế mỹ thuật	23TT2	300	160	***460***	05-11-23
266	Duong Quoc	Bao	12-09-05	2355010023	Khoa Công nghệ thông tin	23CN3	255	205	***460***	05-11-23
267	Dam Viet	Cuong	25-07-05	2351030030	Khoa Xây dựng	23X+	225	235	***460***	05-11-23
268	Nguyen Duc	Huy	12-08-05	2353040020	Khoa Quản lý đô thị	23DE	295	165	***460***	05-11-23
269	Tang Le	My	17-12-04	2358040057	Khoa Thiết kế mỹ thuật	23TT1	255	205	***460***	05-11-23
270	Nguyen Hai	Quynh	13-08-05	2355010165	Khoa Công nghệ thông tin	23CN1	245	215	***460***	05-11-23
271	Nguyen Duc	Thanh	12-12-05	2355010188	Khoa Công nghệ thông tin	23CN4	250	210	***460***	05-11-23
272	Nguyen Vi	Thao	23-04-05	2353010096	Khoa Quản lý đô thị	23KX2	240	220	***460***	05-11-23

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN MIỄN HỌC, MIỄN THI
CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG VÀ TIẾNG ANH CƠ BẢN

(Kèm theo Quyết định số: 631 /QĐ-ĐHKT-ĐT ngày 13 tháng 12 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội)

STT	Họ và tên		Ngày sinh	MSV	Khoa	Lớp	ĐIỂM TOEIC			Ngày thi
							Listening	Reading	Total	
273	Cao Xuan	Truong	13-08-05	2351050088	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và Môi trường ĐT	23D2	280	180	***460***	05-11-23
274	Nguyen Van	Cuong	17-07-05	2351050009	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và Môi trường ĐT	23D1	280	175	***455***	05-11-23
275	Tran Dinh	Dat	14-12-05	2351090006	Khoa Xây dựng	23VL	285	170	***455***	05-11-23
276	Nong Duc	Hung	09-12-05	2351010164	Khoa Kiến trúc	23K2	280	175	***455***	05-11-23
277	Bui Khanh	Huyen	25-01-05	2355010105	Khoa Công nghệ thông tin	23CN1	175	280	***455***	05-11-23
278	Duong Thi Kim	Lien	05-01-05	2353030030	Khoa Quản lý đô thị	23TL	230	225	***455***	05-11-23
279	Bui Nhat	Linh	03-06-05	2351010194	Khoa Kiến trúc	23K5	245	210	***455***	05-11-23
280	Nguyen Duc	Minh	05-07-05	2358010101	Khoa Thiết kế mỹ thuật	23DH2	215	240	***455***	05-11-23
281	Tran Do Hai	Minh	01-09-05	2351080079	Khoa Quản lý đô thị	23QL1	320	135	***455***	05-11-23
282	Dong Tuan	Son	02-06-05	2351030166	Khoa Xây dựng	23X+	265	190	***455***	05-11-23
283	Nguyen Son	Tung	05-06-05	2351010386	Khoa Kiến trúc	23K1	230	225	***455***	05-11-23
284	Ngo Hai	Dang	15-02-05	2351010105	Khoa Kiến trúc	23K2	295	155	***450***	05-11-23
285	Nguyen Phuong	Linh	03-03-05	2356020027	Khoa Xây dựng	23DA1	255	195	***450***	05-11-23
286	Pham Ha	Phuong	16-12-05	2358010123	Khoa Thiết kế mỹ thuật	23DH3	180	270	***450***	05-11-23
287	Trieu Thi Cuc	Phuong	07-12-05	2351010394	Khoa Kiến trúc	23K3	200	250	***450***	05-11-23
288	Nguyen Dinh	Tuan	25-06-05	2351090040	Khoa Xây dựng	23VL	225	225	***450***	05-11-23

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN MIỄN HỌC, MIỄN THI
CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG VÀ TIẾNG ANH CƠ BẢN

(Kèm theo Quyết định số: 631 /QĐ-ĐHKT-ĐT ngày 13 tháng 12 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội)

STT	Họ và tên		Ngày sinh	MSV	Khoa	Lớp	ĐIỂM TOEIC			Ngày thi
							Listening	Reading	Total	
289	Tran Xuan	Vu	24-08-05	2351010380	Khoa Kiến trúc	23K+	285	165	***450***	05-11-23
290	Pham Ha	Vy	10-10-05	2353030058	Khoa Quản lý đô thị	23TL	240	210	***450***	05-11-23

(Danh sách gồm 290 sinh viên)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN MIỄN HỌC, MIỄN THI CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG VÀ TIẾNG ANH CƠ BẢN

(Kèm theo Quyết định số: 631 /QĐ-ĐHKT-ĐT ngày 13 tháng 12 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội)

STT	Họ và tên		Ngày sinh	MSV	Khoa	Lớp	ĐIỂM TOEIC			Ngày thi
							Listening	Reading	Total	
1	Dinh Thi Phuong	Ngoc	13-10-05	2358020148	Khoa Nội thất	23NT3	465	420	***885***	26-11-23
2	Nguyen Minh	Chau	23-02-05	2351020012	Khoa Quy hoạch Đô thị - Nông thôn	23Q2	435	420	***855***	26-11-23
3	Pham Thu	Quynh	09-08-05	2358020186	Khoa Nội thất	23NT1	455	385	***840***	26-11-23
4	Luu Linh	Nhi	02-01-05	2358020156	Khoa Nội thất	23NT1	415	395	***810***	26-11-23
5	Tran Khanh	Vy	29-03-05	2353010115	Khoa Quản lý đô thị	23KX1	435	365	***800***	26-11-23
6	Nguyen Hai	Nhi	25-01-05	2358020157	Khoa Nội thất	23NT2	440	350	***790***	26-11-23
7	Vu Phuong	Anh	04-05-05	2358020027	Khoa Nội thất	23NT2	395	365	***760***	26-11-23
8	Dinh The	Phong	29-05-04	2358020280	Khoa Nội thất	23NT3	360	395	***755***	26-11-23
9	Nong Thao	Vy	15-07-05	2358020247	Khoa Nội thất	23NT2	465	290	***755***	26-11-23
10	Pham Thu	Trang	12-09-05	2355020088	Khoa Công nghệ thông tin	23CDP2	385	365	***750***	26-11-23
11	Vu Manh	Tuan	01-05-05	2352010048	Khoa Quy hoạch Đô thị - Nông thôn	23KTCQ	435	315	***750***	26-11-23
12	Nguyen Minh	Ngoc	25-11-04	2358020271	Khoa Nội thất	23NT2	385	340	***725***	26-11-23

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN MIỄN HỌC, MIỄN THI
CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG VÀ TIẾNG ANH CƠ BẢN

(Kèm theo Quyết định số: 631 /QĐ-ĐHKT-ĐT ngày 13 tháng 12 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội)

STT	Họ và tên		Ngày sinh	MSV	Khoa	Lớp	ĐIỂM TOEIC			Ngày thi
							Listening	Reading	Total	
13	Chu Thi Phuong	Anh	15-12-05	2358020004	Khoa Nội thất	23NT4	340	375	***715***	26-11-23
14	Do Le Khanh	Linh	13-02-05	2358020100	Khoa Nội thất	23NT4	360	355	***715***	26-11-23
15	Dinh Trung	Hieu	17-09-05	2358020072	Khoa Nội thất	23NT2	375	335	***710***	26-11-23
16	Nguyen Thi	Truc	03-08-04	2358020279	Khoa Nội thất	23NT2	355	355	***710***	26-11-23
17	Le Nguyen Viet	Hieu	03-10-05	2358020074	Khoa Nội thất	23NT4	400	305	***705***	26-11-23
18	Do Hoang Minh	Viet	30-06-05	2356040044	Khoa Quy hoạch Đô thị - Nông thôn	23UD	425	280	***705***	26-11-23
19	Luu Ngoc	Khanh	04-02-05	2358020093	Khoa Nội thất	23NT3	345	350	***695***	26-11-23
20	Vu Thu	Thao	24-10-04	2358020274	Khoa Nội thất	23NT1	365	330	***695***	26-11-23
21	Tran Quang	Huy	27-12-05	2358020079	Khoa Nội thất	23NT4	360	330	***690***	26-11-23
22	Vu Khanh	Linh	05-08-05	2358020124	Khoa Nội thất	23NT4	370	320	***690***	26-11-23
23	Nguyen Viet	Hoang	09-09-05	2356040013	Khoa Quy hoạch Đô thị - Nông thôn	23UD	345	335	***680***	26-11-23
24	Luong Trang	Nhi	10-11-05	2358020289	Khoa Nội thất	23NT4	360	320	***680***	26-11-23

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN MIỄN HỌC, MIỄN THI
CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG VÀ TIẾNG ANH CƠ BẢN

(Kèm theo Quyết định số: 631 /QĐ-ĐHKT-ĐT ngày 13 tháng 12 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội)

STT	Họ và tên		Ngày sinh	MSV	Khoa	Lớp	ĐIỂM TOEIC			Ngày thi
							Listening	Reading	Total	
25	Ngo Tho Vinh	Quang	01-01-05	2351020083	Khoa Quy hoạch Đô thị - Nông thôn	23Q1	400	270	***670***	26-11-23
26	Dang Tran Khanh	Ly	02-08-05	2358020127	Khoa Nội thất	23NT2	370	280	***650***	26-11-23
27	Trinh Thao	My	01-09-05	2358020139	Khoa Nội thất	23NT4	345	305	***650***	26-11-23
28	Quach Minh	Ngoc	22-04-05	2351020073	Khoa Quy hoạch Đô thị - Nông thôn	23Q1	350	295	***645***	26-11-23
29	Le Nguyet	Nhi	24-06-05	2358020155	Khoa Nội thất	23NT3	345	300	***645***	26-11-23
30	Le Duc	Anh	22-11-05	2358020009	Khoa Nội thất	23NT4	375	265	***640***	26-11-23
31	Le Nhu	Quynh	23-11-05	2358020184	Khoa Nội thất	23NT4	340	290	***630***	26-11-23
32	Dam Phuong	Ngan	09-06-05	2358020145	Khoa Nội thất	23NT1	250	360	***610***	26-11-23
33	Vu Duy	Hoan	06-10-05	2353030021	Khoa Quản lý đô thị	23TL	350	255	***605***	26-11-23
34	Bui Thi Ngoc	Anh	20-11-05	2351010039	Khoa Kiến trúc	23K6	240	360	***600***	26-11-23
35	Nguyen Viet	Hung	09-04-05	2358020087	Khoa Nội thất	23NT2	370	230	***600***	26-11-23
36	Do Thuy	Duong	22-12-05	2358020047	Khoa Nội thất	23NT2	310	280	***590***	26-11-23

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN MIỄN HỌC, MIỄN THI
CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG VÀ TIẾNG ANH CƠ BẢN

(Kèm theo Quyết định số: 631 /QĐ-ĐHKT-ĐT ngày 13 tháng 12 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội)

STT	Họ và tên		Ngày sinh	MSV	Khoa	Lớp	ĐIỂM TOEIC			Ngày thi
							Listening	Reading	Total	
37	Nguyen Thi Thu	Hien	22-04-05	2358020068	Khoa Nội thất	23NT3	300	290	***590***	26-11-23
38	Bui Chu Thuy	Linh	21-08-05	2358020288	Khoa Nội thất	23NT3	325	265	***590***	26-11-23
39	Nguyen Ngoc	Tram	10-10-05	2358020232	Khoa Nội thất	23NT2	290	300	***590***	26-11-23
40	Nguyen Hoang	Duc	15-11-05	2352010013	Khoa Quy hoạch Đô thị - Nông thôn	23KTCQ	315	260	***575***	26-11-23
41	Pham Minh	Tuan	18-06-05	2356040036	Khoa Quy hoạch Đô thị - Nông thôn	23UD	315	260	***575***	26-11-23
42	Nguyen Thien	Huong	03-02-05	2358020089	Khoa Nội thất	23NT4	315	255	***570***	26-11-23
43	Nguyen Quynh	Ngoc	02-11-05	2358020152	Khoa Nội thất	23NT2	365	205	***570***	26-11-23
44	Nguyen Thi Thu	Phuong	28-05-05	2358020173	Khoa Nội thất	23NT3	335	225	***560***	26-11-23
45	Nguyen Trong Tuan	Anh	30-06-05	2356040004	Khoa Quy hoạch Đô thị - Nông thôn	23UD	275	280	***555***	26-11-23
46	Tran Minh	Duc	07-05-04	2351020031	Khoa Quy hoạch Đô thị - Nông thôn	23Q1	310	245	***555***	26-11-23
47	Nguyen Ngoc Khanh	Linh	14-11-05	2358020108	Khoa Nội thất	23NT3	310	245	***555***	26-11-23
48	Nguyen Ngoc Tam	Nhi	04-10-05	2358020158	Khoa Nội thất	23NT3	315	240	***555***	26-11-23

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN MIỄN HỌC, MIỄN THI
CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG VÀ TIẾNG ANH CƠ BẢN

(Kèm theo Quyết định số: 631/QĐ-ĐHKT-ĐT ngày 13 tháng 12 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC

STT	Họ và tên		Ngày sinh	MSV	Khoa	Lớp	ĐIỂM TOEIC			Ngày thi
							Listening	Reading	Total	
49	Pham Khac Hoang	An	02-01-05	2351030005	Khoa Xây dựng	23X+	330	220	***550***	26-11-23
50	Nguyen Thi Truc	Anh	20-10-05	2358020024	Khoa Nội thất	23NT4	310	240	***550***	26-11-23
51	Pham Ngoc Phuong	Anh	20-02-03	2358020262	Khoa Nội thất	23NT1	295	255	***550***	26-11-23
52	Do Duc	Duy	23-01-05	2352010010	Khoa Quy hoạch Đô thị - Nông thôn	23KTCQ	335	215	***550***	26-11-23
53	Nguyen Thanh	Nam	30-11-05	2352010059	Khoa Quy hoạch Đô thị - Nông thôn	23KTCQ	290	260	***550***	26-11-23
54	Tran Thi Thuy	Tien	30-06-05	2358020192	Khoa Nội thất	23NT2	330	215	***545***	26-11-23
55	Tran Lam	Tung	19-01-05	2358020197	Khoa Nội thất	23NT2	355	190	***545***	26-11-23
56	Nguyen Duy	Ninh	01-08-05	2356040027	Khoa Quy hoạch Đô thị - Nông thôn	23UD	310	230	***540***	26-11-23
57	Nguyen Thi Trang	Linh	12-12-05	2358020113	Khoa Nội thất	23NT3	315	220	***535***	26-11-23
58	Do Hoang Tra	My	03-10-05	2358020136	Khoa Nội thất	23NT1	295	240	***535***	26-11-23
59	Nguyen Phuc Vinh	Thinh	24-08-05	2358020209	Khoa Nội thất	23NT4	295	240	***535***	26-11-23
60	Nguyen Thanh	Son	01-01-05	2351020089	Khoa Quy hoạch Đô thị - Nông thôn	23Q1	285	245	***530***	26-11-23

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN MIỄN HỌC, MIỄN THI
CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG VÀ TIẾNG ANH CƠ BẢN

(Kèm theo Quyết định số: 631 /QĐ-ĐHKT-ĐT ngày 13 tháng 12 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC

STT	Họ và tên		Ngày sinh	MSV	Khoa	Lớp	ĐIỂM TOEIC			Ngày thi
							Listening	Reading	Total	
61	Hoang Tran	Thien	16-01-05	2356040039	Khoa Quy hoạch Đô thị - Nông thôn	23UD	290	240	***530***	26-11-23
62	Bui Nhat	Quang	10-05-05	2352010044	Khoa Quy hoạch Đô thị - Nông thôn	23KTCQ	255	270	***525***	26-11-23
63	Phung Thi Thu	Trang	23-04-05	2358020229	Khoa Nội thất	23NT4	290	235	***525***	26-11-23
64	Vuong Nguyen	Hanh	08-05-05	2352010017	Khoa Quy hoạch Đô thị - Nông thôn	23KTCQ	225	295	***520***	26-11-23
65	Vuong Viet	Quang	09-12-05	2358020179	Khoa Nội thất	23NT4	360	160	***520***	26-11-23
66	Duong Thi Thanh	Thu	09-03-05	2358020211	Khoa Nội thất	23NT1	230	280	***510***	26-11-23
67	Pham Thi Minh	Thuan	15-04-05	2358020214	Khoa Nội thất	23NT4	305	205	***510***	26-11-23
68	Hoang	Phuc	21-02-05	2356030042	Khoa Quản lý đô thị	23RM	275	225	***500***	26-11-23
69	Nguyen Phuong	Dung	16-08-99	2358020284	Khoa Nội thất	23NT3	290	200	***490***	26-11-23
70	Nguyen Duc	Hieu	24-05-05	2352010019	Khoa Quy hoạch Đô thị - Nông thôn	23KTCQ	310	180	***490***	26-11-23
71	Nguyen Thanh	Huyen	06-02-05	2358020083	Khoa Nội thất	23NT3	235	255	***490***	26-11-23
72	Nguyen Thi Phuong	Binh	28-07-05	2358020033	Khoa Nội thất	23NT3	305	175	***480***	26-11-23

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN MIỄN HỌC, MIỄN THI
CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG VÀ TIẾNG ANH CƠ BẢN

(Kèm theo Quyết định số: 631 /QĐ-ĐHKT-ĐT ngày 13 tháng 12 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội)

STT	Họ và tên		Ngày sinh	MSV	Khoa	Lớp	ĐIỂM TOEIC			Ngày thi
							Listening	Reading	Total	
73	Do Trung	Phuong	10-11-04	2352010060	Khoa Quy hoạch Đô thị - Nông thôn	23KTCQ	235	240	***475***	26-11-23
74	Le Thuy	Anh	05-12-03	2358020296	Khoa Nội thất	23NT4	305	165	***470***	26-11-23
75	Nguyen Thi Phuong	Anh	05-11-05	2358020023	Khoa Nội thất	23NT3	260	210	***470***	26-11-23
76	Vu Ngoc	Linh	01-01-05	2356040023	Khoa Quy hoạch Đô thị - Nông thôn	23UD	255	205	***460***	26-11-23
77	Hoang	Phi	14-11-05	2351020080	Khoa Quy hoạch Đô thị - Nông thôn	23Q2	280	170	***450***	26-11-23
78	Nguyen Phuc Truong	Sinh	13-11-05	2351020087	Khoa Quy hoạch Đô thị - Nông thôn	23Q1	250	200	***450***	26-11-23
79	Nguyen Thuy	Trang	28-11-03	2358020226	Khoa Nội thất	23NT1	285	165	***450***	26-11-23

(Danh sách gồm 79 sinh viên)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN MIỄN HỌC, MIỄN THI CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG PHẦN 1 VÀ PHẦN 2

(Kèm theo Quyết định số: 631 /QĐ-ĐHKT-ĐT ngày 13 tháng 12 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội)

STT	Họ và tên		Ngày sinh	MSV	Khoa	Lớp	ĐIỂM TOEIC			Ngày thi
							Listening	Reading	Total	
15	Tran Phuong	Linh	05-04-05	2353010056	Khoa Quản lý đô thị	23KX2	170	175	***345***	05-11-23
16	Tran Chu	Loc	24-02-05	2355010133	Khoa Công nghệ thông tin	23CN1	205	140	***345***	05-11-23
17	Luu Duc	Long	13-12-05	2355010129	Khoa Công nghệ thông tin	23CN1	190	155	***345***	05-11-23
18	Nguyen Tien	Manh	29-09-05	2353040033	Khoa Quản lý đô thị	23DE	210	135	***345***	05-11-23
19	Vu Van	Minh	20-05-05	2356020124	Khoa Xây dựng	23DA3	135	210	***345***	05-11-23
20	Tran Hong	Nhung	31-07-03	2351010424	Khoa Kiến trúc	23K3	210	135	***345***	05-11-23
21	Vu Mai	Phuong	18-02-05	2351010287	Khoa Kiến trúc	23K+	210	135	***345***	05-11-23
22	Pham Thu	Quyen	14-09-03	2351080093	Khoa Quản lý đô thị	23QL1	130	215	***345***	05-11-23
23	Ha Duc	Thang	28-07-05	2351030189	Khoa Xây dựng	23X3	210	135	***345***	05-11-23
24	Pham Cao	Thang	22-06-05	2356020089	Khoa Xây dựng	23DA2	145	200	***345***	05-11-23
25	Vu Thi Phuong	Thao	04-03-05	2353010098	Khoa Quản lý đô thị	23KX2	175	170	***345***	05-11-23
26	Nguyen Anh	Thu	29-04-05	2355020084	Khoa Công nghệ thông tin	23CDP2	145	200	***345***	05-11-23
27	Ta Bich	Thuy	10-02-05	2358040074	Khoa Thiết kế mỹ thuật	23TT2	200	145	***345***	05-11-23
28	Nguyen Thuy	Trang	04-08-05	2355010197	Khoa Công nghệ thông tin	23CN1	140	205	***345***	05-11-23
29	Nguyen Van	Tu	19-02-05	2351010328	Khoa Kiến trúc	23K6	200	145	***345***	05-11-23

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN MIỄN HỌC, MIỄN THI
CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG PHẦN 1 VÀ PHẦN 2

(Kèm theo Quyết định số: 631 /QĐ-ĐHKT-ĐT ngày 13 tháng 12 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội)

STT	Họ và tên		Ngày sinh	MSV	Khoa	Lớp	ĐIỂM TOEIC			Ngày thi
							Listening	Reading	Total	
30	Nguyen Thanh	Vinh	16-11-05	2351010378	Khoa Kiến trúc	23K3	215	130	***345***	05-11-23
31	Ngo Thi Thu	Yen	15-03-05	2353010117	Khoa Quản lý đô thị	23KX1	190	155	***345***	05-11-23
32	Dang Thi	An	08-07-04	2358010179	Khoa Thiết kế mỹ thuật	23DH3	190	150	***340***	05-11-23
33	Tran Thanh	An	15-11-05	2351010006	Khoa Kiến trúc	23K4	185	155	***340***	05-11-23
34	Dang Duy	Anh	23-10-05	2351030007	Khoa Xây dựng	23X+	175	165	***340***	05-11-23
35	Nguyen Kieu	Anh	16-01-05	2358030001	Khoa Thiết kế mỹ thuật	23DK	190	150	***340***	05-11-23
36	Nguyen Nam	Anh	21-02-05	2354010004	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và Môi trường Đ	23GT	180	160	***340***	05-11-23
37	Luong Bich	Dao	18-12-05	2353020010	Khoa Quản lý đô thị	23IE	125	215	***340***	05-11-23
38	Nguyen Quynh	Giang	21-06-05	2358040018	Khoa Thiết kế mỹ thuật	23TT2	215	125	***340***	05-11-23
39	Nguyen Huy	Hoang	17-05-05	2351030089	Khoa Xây dựng	23X1	220	120	***340***	05-11-23
40	Phan Dao Huy	Hoang	14-01-05	2355010086	Khoa Công nghệ thông tin	23CN2	215	125	***340***	05-11-23
41	Nguyen Cao	Ky	12-10-03	2356030060	Khoa Quản lý đô thị	23RM	175	165	***340***	05-11-23
42	Dang Kim	Ngan	15-09-05	2351080083	Khoa Quản lý đô thị	23QL1	185	155	***340***	05-11-23
43	Tran Ngoc	Phuong	22-11-05	2356020036	Khoa Xây dựng	23DA1	210	130	***340***	05-11-23
44	Nguyen Thanh	Tan	07-10-05	2351010313	Khoa Kiến trúc	23K1	185	155	***340***	05-11-23

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN MIỄN HỌC, MIỄN THI
CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG PHẦN 1 VÀ PHẦN 2

(Kèm theo Quyết định số: 631 /QĐ-ĐHKT-ĐT ngày 13 tháng 12 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội)

STT	Họ và tên		Ngày sinh	MSV	Khoa	Lớp	ĐIỂM TOEIC			Ngày thi
							Listening	Reading	Total	
45	Tran Thuy	Trang	22-09-05	2358030019	Khoa Thiết kế mỹ thuật	23DK	185	155	***340***	05-11-23
46	Nguyen Duc	Anh	19-07-05	2354010003	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và Môi trường Đ	23GT	100	235	***335***	05-11-23
47	Vy Tuan	Cuong	16-07-05	2351010060	Khoa Kiến trúc	23K4	220	115	***335***	05-11-23
48	Dao Anh	Dung	30-07-05	2355020017	Khoa Công nghệ thông tin	23CDP1	215	120	***335***	05-11-23
49	Do Van	Duy	11-12-05	2351070011	Khoa Xây dựng	23XN	165	170	***335***	05-11-23
50	Tran Thi	Hang	22-12-05	2353020011	Khoa Quản lý đô thị	23IE	210	125	***335***	05-11-23
51	Can Luong	Huan	13-07-05	2355010091	Khoa Công nghệ thông tin	23CN3	185	150	***335***	05-11-23
52	Tran Quang	Huy	01-04-05	2351010155	Khoa Kiến trúc	23K3	225	110	***335***	05-11-23
53	Duong Tuan	Khanh	31-05-05	2355010116	Khoa Công nghệ thông tin	23CN4	155	180	***335***	05-11-23
54	Tran Thi Ngoc	Khue	15-04-05	2358010076	Khoa Thiết kế mỹ thuật	23DH1	155	180	***335***	05-11-23
55	Nguyen Huong	Linh	21-08-05	2356030029	Khoa Quản lý đô thị	23RM	175	160	***335***	05-11-23
56	Le Tran Thao	Ly	25-01-05	2355020055	Khoa Công nghệ thông tin	23CDP1	155	180	***335***	05-11-23
57	Nguyen Vu Bao	Ngoc	17-10-04	2358040089	Khoa Thiết kế mỹ thuật	23TT2	225	110	***335***	05-11-23
58	Ho Doan Minh	Quan	22-09-05	2351010293	Khoa Kiến trúc	23K1	190	145	***335***	05-11-23
59	Nguyen Minh	Quan	03-04-05	2356020037	Khoa Xây dựng	23DA1	175	160	***335***	05-11-23

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN MIỄN HỌC, MIỄN THI
CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG PHẦN 1 VÀ PHẦN 2

(Kèm theo Quyết định số: 631 /QĐ-ĐHKT-ĐT ngày 13 tháng 12 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội)

STT	Họ và tên		Ngày sinh	MSV	Khoa	Lớp	ĐIỂM TOEIC			Ngày thi
							Listening	Reading	Total	
60	Pham Ngoc	Son	10-07-05	2355010172	Khoa Công nghệ thông tin	23CN4	260	75	***335***	05-11-23
61	Duong Duy	Thai	19-09-05	2351030182	Khoa Xây dựng	23X3	230	105	***335***	05-11-23
62	Nguyen Dinh Truo	Vu	10-01-05	2351030213	Khoa Xây dựng	23X+	135	200	***335***	05-11-23
63	Hoang Hai	Yen	06-04-05	2351010383	Khoa Kiến trúc	23K3	190	145	***335***	05-11-23
64	Tran Chi	Bao	15-01-05	2351010048	Khoa Kiến trúc	23K1	195	135	***330***	05-11-23
65	Nguyen Thuy	Hien	22-09-05	2355010073	Khoa Công nghệ thông tin	23CN1	205	125	***330***	05-11-23
66	Nguyen Quang	Huy	21-05-05	2355010100	Khoa Công nghệ thông tin	23CN4	185	145	***330***	05-11-23
67	Pham Quang	Huy	05-06-05	2355010102	Khoa Công nghệ thông tin	23CN2	245	85	***330***	05-11-23
68	Nguyen Thi Ha	Linh	04-11-05	2358010083	Khoa Thiết kế mỹ thuật	23DH4	135	195	***330***	05-11-23
69	Nguyen Vu Dieu	Linh	04-05-05	2353020026	Khoa Quản lý đô thị	23IE	180	150	***330***	05-11-23
70	Tran Thi Thuy	Linh	19-02-05	2355010126	Khoa Công nghệ thông tin	23CN2	190	140	***330***	05-11-23
71	Le Hong	Minh	01-10-02	2353040034	Khoa Quản lý đô thị	23DE	100	230	***330***	05-11-23
72	Dang Phuong	Nam	19-04-05	2355010142	Khoa Công nghệ thông tin	23CN1	150	180	***330***	05-11-23
73	Nguyen Nhat	Nam	12-06-05	2355020063	Khoa Công nghệ thông tin	23CDP1	185	145	***330***	05-11-23
74	Le Minh	Nguyet	26-07-05	2351050053	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và Môi trường Đ	23D1	155	175	***330***	05-11-23

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN MIỄN HỌC, MIỄN THI
CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG PHẦN 1 VÀ PHẦN 2

(Kèm theo Quyết định số: 631 /QĐ-ĐHKT-ĐT ngày 13 tháng 12 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội)

STT	Họ và tên		Ngày sinh	MSV	Khoa	Lớp	ĐIỂM TOEIC			Ngày thi
							Listening	Reading	Total	
75	Hoang Minh	Quan	19-02-05	2351030159	Khoa Xây dựng	23X1	220	110	***330***	05-11-23
76	Nguyen Thanh	Quang	08-08-05	2353040045	Khoa Quản lý đô thị	23DE	205	125	***330***	05-11-23
77	Vuong Thi Tu	Quyen	26-03-04	2355010164	Khoa Công nghệ thông tin	23CN4	165	165	***330***	05-11-23
78	Vu Thi Nhu	Quynh	09-02-05	2351010306	Khoa Kiến trúc	23K1	155	175	***330***	05-11-23
79	Vu Phuong	Thao	08-11-05	2351010338	Khoa Kiến trúc	23K+	190	140	***330***	05-11-23
80	Nguyen Thu	Thuy	14-09-05	2358010153	Khoa Thiết kế mỹ thuật	23DH3	170	160	***330***	05-11-23
81	Nguyen Thuy	Tien	15-05-05	2355010176	Khoa Công nghệ thông tin	23CN4	210	120	***330***	05-11-23
82	Le Minh	Anh	14-08-05	2356010001	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và Môi trường Đ	23ME	180	145	***325***	05-11-23
83	Tieu Thi Ngoc	Anh	24-08-05	2355020009	Khoa Công nghệ thông tin	23CDP1	175	150	***325***	05-11-23
84	Truong Thi Hong	Anh	07-04-05	2353030005	Khoa Quản lý đô thị	23TL	175	150	***325***	05-11-23
85	Bui Nguyen	Duc	15-10-05	2351010108	Khoa Kiến trúc	23K4	210	115	***325***	05-11-23
86	Tran Vu	Duc	20-11-05	2351010112	Khoa Kiến trúc	23K+	185	140	***325***	05-11-23
87	Nguyen Duc	Duy	23-01-05	2353020007	Khoa Quản lý đô thị	23IE	200	125	***325***	05-11-23
88	Dang Vu	Hoi	08-07-05	2355020039	Khoa Công nghệ thông tin	23CDP1	190	135	***325***	05-11-23
89	Ho Khanh	Hung	29-09-05	2355010108	Khoa Công nghệ thông tin	23CN4	165	160	***325***	05-11-23

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN MIỄN HỌC, MIỄN THI
CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG PHẦN 1 VÀ PHẦN 2

(Kèm theo Quyết định số: 631 /QĐ-ĐHKT-ĐT ngày 13 tháng 12 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội)

STT	Họ và tên		Ngày sinh	MSV	Khoa	Lớp	ĐIỂM TOEIC			Ngày thi
							Listening	Reading	Total	
90	Do Thi Quynh	Huong	01-11-05	2355020043	Khoa Công nghệ thông tin	23CDP1	175	150	***325***	05-11-23
91	Tran Viet	Huy	26-07-05	2351080051	Khoa Quản lý đô thị	23QL1	210	115	***325***	05-11-23
92	Tran Thi Thanh	Lam	14-08-05	2351010189	Khoa Kiến trúc	23K1	190	135	***325***	05-11-23
93	Pham Thi	Sen	05-01-05	2358010130	Khoa Thiết kế mỹ thuật	23DH1	185	140	***325***	05-11-23
94	Nguyen Thi Bang	Thanh	12-06-05	2356020042	Khoa Xây dựng	23DA1	210	115	***325***	05-11-23
95	Nguyen Van	Thoai	08-10-05	2351010346	Khoa Kiến trúc	23K6	170	155	***325***	05-11-23
96	Le Quang	Trung	10-11-05	2355010200	Khoa Công nghệ thông tin	23CN4	175	150	***325***	05-11-23
97	Pham Viet	Tuan	09-09-05	2355010181	Khoa Công nghệ thông tin	23CN1	180	145	***325***	05-11-23
98	Nguyen Quang	Vinh	23-09-05	2356020093	Khoa Xây dựng	23DA2	175	150	***325***	05-11-23
99	Nguyen Cong Tuar	Anh	11-04-05	2351030011	Khoa Xây dựng	23X+	135	185	***320***	05-11-23
100	Nguyen Quoc	Cuong	18-09-05	2356020006	Khoa Xây dựng	23DA1	220	100	***320***	05-11-23
101	Chu Quoc	Dat	14-01-03	2351050018	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và Môi trường Đ	23D2	170	150	***320***	05-11-23
102	Trinh Quang	Dung	06-09-05	2353010019	Khoa Quản lý đô thị	23KX1	180	140	***320***	05-11-23
103	Ma Thi	Hau	26-01-05	2355020033	Khoa Công nghệ thông tin	23CDP1	155	165	***320***	05-11-23
104	Nguyen Van Duc	Hieu	15-06-05	2351090014	Khoa Xây dựng	23VL	200	120	***320***	05-11-23

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN MIỄN HỌC, MIỄN THI
CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG PHẦN 1 VÀ PHẦN 2

(Kèm theo Quyết định số: 631 /QĐ-ĐHKT-ĐT ngày 13 tháng 12 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội)

STT	Họ và tên		Ngày sinh	MSV	Khoa	Lớp	ĐIỂM TOEIC			Ngày thi
							Listening	Reading	Total	
105	Do Tra	My	25-06-05	2353010062	Khoa Quản lý đô thị	23KX2	165	155	***320***	05-11-23
106	Nguyen Thai Huye	My	11-12-05	2353010063	Khoa Quản lý đô thị	23KX1	165	155	***320***	05-11-23
107	Le Ngoc Yen	Nhi	02-10-05	2358010119	Khoa Thiết kế mỹ thuật	23DH2	185	135	***320***	05-11-23
108	Nguyen Dinh	Phat	24-12-05	2351010275	Khoa Kiến trúc	23K3	190	130	***320***	05-11-23
109	Nguyen Minh	Sang	17-08-05	2355010169	Khoa Công nghệ thông tin	23CN1	230	90	***320***	05-11-23
110	Dinh Quang	Vinh	24-09-05	2355010204	Khoa Công nghệ thông tin	23CN4	145	175	***320***	05-11-23
111	Pham Huu Trung	Anh	15-05-05	2355010014	Khoa Công nghệ thông tin	23CN2	175	140	***315***	05-11-23
112	Nguyen Kien	Cuong	26-10-05	2356020098	Khoa Xây dựng	23DA3	190	125	***315***	05-11-23
113	Luong Hai	Dat	04-07-05	2351050019	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và Môi trường Đ	23D1	135	180	***315***	05-11-23
114	Ngo Manh	Dien	18-02-05	2355010062	Khoa Công nghệ thông tin	23CN2	165	150	***315***	05-11-23
115	Duong Minh	Hau	18-03-05	2351010125	Khoa Kiến trúc	23K+	180	135	***315***	05-11-23
116	Bui Manh	Hung	13-06-05	2351010137	Khoa Kiến trúc	23K5	165	150	***315***	05-11-23
117	Tran Manh	Hung	18-09-05	2351030095	Khoa Xây dựng	23X3	190	125	***315***	05-11-23
118	Vo Luong Khanh	Huyen	11-09-05	2356010016	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và Môi trường Đ	23ME	205	110	***315***	05-11-23
119	Nguyen Van	Khanh	29-06-05	2351030113	Khoa Xây dựng	23X1	165	150	***315***	05-11-23

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN MIỄN HỌC, MIỄN THI
CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG PHẦN 1 VÀ PHẦN 2

(Kèm theo Quyết định số: 631 /QĐ-ĐHKT-ĐT ngày 13 tháng 12 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội)

STT	Họ và tên		Ngày sinh	MSV	Khoa	Lớp	ĐIỂM TOEIC			Ngày thi
							Listening	Reading	Total	
120	Vu Hai	Linh	05-11-05	2356030031	Khoa Quản lý đô thị	23RM	180	135	***315***	05-11-23
121	Nguyen Phuong	Ngan	09-01-05	2358010108	Khoa Thiết kế mỹ thuật	23DH3	150	165	***315***	05-11-23
122	Hoang Thi	Nghiep	09-06-05	2353030037	Khoa Quản lý đô thị	23TL	150	165	***315***	05-11-23
123	Vu Thi Minh	Ngoc	07-01-05	2358010117	Khoa Thiết kế mỹ thuật	23DH3	165	150	***315***	05-11-23
124	Nguyen Dinh	Phong	21-10-05	2353010078	Khoa Quản lý đô thị	23KX2	205	110	***315***	05-11-23
125	Giap Minh	Quan	30-06-05	2351010292	Khoa Kiến trúc	23K6	180	135	***315***	05-11-23
126	Tran Hoang Cam	Tu	19-12-05	2353030043	Khoa Quản lý đô thị	23TL	180	135	***315***	05-11-23
127	Nguyen Thi My	Uyen	15-05-05	2358010167	Khoa Thiết kế mỹ thuật	23DH2	185	130	***315***	05-11-23
128	Nguyen Nho	An	11-06-05	2355010002	Khoa Công nghệ thông tin	23CN2	155	155	***310***	05-11-23
129	Doi Phi	Anh	01-04-05	2355020003	Khoa Công nghệ thông tin	23CDP1	170	140	***310***	05-11-23
130	Nguyen Minh	Anh	21-01-05	2351010041	Khoa Kiến trúc	23K2	200	110	***310***	05-11-23
131	Trinh Viet	Dung	30-01-05	2351010400	Khoa Kiến trúc	23K3	215	95	***310***	05-11-23
132	Ta Tran Dai	Duong	01-12-05	2355010051	Khoa Công nghệ thông tin	23CN3	155	155	***310***	05-11-23
133	Tran Thi Anh	Duyen	23-02-04	2351030052	Khoa Xây dựng	23X3	200	110	***310***	05-11-23
134	Nguyen Thu	Ha	22-09-05	2351040011	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và Môi trường Đ	23N	170	140	***310***	05-11-23

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN MIỄN HỌC, MIỄN THI
CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG PHẦN 1 VÀ PHẦN 2

(Kèm theo Quyết định số: 631 /QĐ-ĐHKT-ĐT ngày 13 tháng 12 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội)

STT	Họ và tên		Ngày sinh	MSV	Khoa	Lớp	ĐIỂM TOEIC			Ngày thi
							Listening	Reading	Total	
135	Do Thuy	Hien	21-02-05	2353020013	Khoa Quản lý đô thị	23IE	175	135	***310***	05-11-23
136	Pham Thi Thu	Hien	09-12-05	2353030016	Khoa Quản lý đô thị	23TL	210	100	***310***	05-11-23
137	Nguyen Cong	Hoang	09-09-05	2356020064	Khoa Xây dựng	23DA2	165	145	***310***	05-11-23
138	Nguyen Van	Hoang	21-10-05	2351050034	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và Môi trường Đ	23D2	170	140	***310***	05-11-23
139	Hoang Nghia Phan	Huy	17-01-05	2351010142	Khoa Kiến trúc	23K4	200	110	***310***	05-11-23
140	Nguyen Khanh	Huyen	03-01-05	2356020113	Khoa Xây dựng	23DA3	165	145	***310***	05-11-23
141	Tran The	Minh	22-07-05	2351070032	Khoa Xây dựng	23XN	150	160	***310***	05-11-23
142	Dinh Thi Kim	Ngan	12-08-05	2353020037	Khoa Quản lý đô thị	23IE	145	165	***310***	05-11-23
143	Nguyen Minh	Ngoc	22-12-05	2358010114	Khoa Thiết kế mỹ thuật	23DH3	185	125	***310***	05-11-23
144	Nguyen Yen	Nhi	20-02-05	2351080086	Khoa Quản lý đô thị	23QL2	155	155	***310***	05-11-23
145	Pham Yen	Nhi	10-02-05	2353010072	Khoa Quản lý đô thị	23KX2	155	155	***310***	05-11-23
146	Mai Thanh	Thu	04-02-05	2358040076	Khoa Thiết kế mỹ thuật	23TT2	175	135	***310***	05-11-23
147	Vu Anh	Thu	03-10-05	2351010353	Khoa Kiến trúc	23K+	125	185	***310***	05-11-23
148	Le Thi	Tuyet	25-02-05	2355020079	Khoa Công nghệ thông tin	23CDP1	135	175	***310***	05-11-23
149	Dao Thi Phuong	Anh	06-03-05	2358040002	Khoa Thiết kế mỹ thuật	23TT2	180	125	***305***	05-11-23

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN MIỄN HỌC, MIỄN THI
CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG PHẦN 1 VÀ PHẦN 2

(Kèm theo Quyết định số: 631 /QĐ-ĐHKT-ĐT ngày 13 tháng 12 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội)

STT	Họ và tên		Ngày sinh	MSV	Khoa	Lớp	ĐIỂM TOEIC			Ngày thi
							Listening	Reading	Total	
150	Nguyen Thi Quynh	Anh	30-05-05	2355020006	Khoa Công nghệ thông tin	23CDP2	175	130	***305***	05-11-23
151	Le Thi	Diu	08-05-05	2355010037	Khoa Công nghệ thông tin	23CN1	125	180	***305***	05-11-23
152	Hoang Van	Duy	27-01-05	2351010079	Khoa Kiến trúc	23K+	105	200	***305***	05-11-23
153	Phan Duc	Duy	26-08-05	2355010044	Khoa Công nghệ thông tin	23CN4	155	150	***305***	05-11-23
154	Dao Hong	Hai	02-11-05	2358010049	Khoa Thiết kế mỹ thuật	23DH1	170	135	***305***	05-11-23
155	Tham Thanh	Hai	12-09-05	2351010119	Khoa Kiến trúc	23K4	200	105	***305***	05-11-23
156	Tran Thanh	Hang	08-10-05	2351080036	Khoa Quản lý đô thị	23QL2	180	125	***305***	05-11-23
157	Dang Thi Hong	Hanh	25-11-05	2353010032	Khoa Quản lý đô thị	23KX2	165	140	***305***	05-11-23
158	Nguyen Hien	Hau	10-07-04	2358010189	Khoa Thiết kế mỹ thuật	23DH1	205	100	***305***	05-11-23
159	Nguyen Huy	Hoang	09-12-05	2351080046	Khoa Quản lý đô thị	23QL2	180	125	***305***	05-11-23
160	Phan Huy	Hoang	09-09-05	2355010087	Khoa Công nghệ thông tin	23CN3	110	195	***305***	05-11-23
161	Dang Duy	Hung	06-07-05	2351010163	Khoa Kiến trúc	23K1	155	150	***305***	05-11-23
162	Nguyen Phi	Hung	10-02-05	2351050035	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và Môi trường Đ	23D1	145	160	***305***	05-11-23
163	Nguyen Thi Minh	Huyen	20-04-04	2358010194	Khoa Thiết kế mỹ thuật	23DH2	185	120	***305***	05-11-23
164	Le Duy	Khanh	03-04-05	2351080057	Khoa Quản lý đô thị	23QL1	205	100	***305***	05-11-23

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN MIỄN HỌC, MIỄN THI
CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG PHẦN 1 VÀ PHẦN 2

(Kèm theo Quyết định số: 631 /QĐ-ĐHKT-ĐT ngày 13 tháng 12 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội)

STT	Họ và tên		Ngày sinh	MSV	Khoa	Lớp	ĐIỂM TOEIC			Ngày thi
							Listening	Reading	Total	
165	Hoang	Kim	25-07-05	2351050041	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và Môi trường Đ	23D1	155	150	***305***	05-11-23
166	Nguyen Thi Thanh	Lam	10-10-05	2351010188	Khoa Kiến trúc	23K6	170	135	***305***	05-11-23
167	Nguyen Thi Thanh	Mai	12-05-05	2353030032	Khoa Quản lý đô thị	23TL	135	170	***305***	05-11-23
168	Do Nguyet	Minh	12-04-05	2358010098	Khoa Thiết kế mỹ thuật	23DH4	150	155	***305***	05-11-23
169	Pham Tien	Minh	13-09-05	2351010244	Khoa Kiến trúc	23K5	150	155	***305***	05-11-23
170	Nguyen Minh	Phuong	18-10-05	2351010285	Khoa Kiến trúc	23K6	155	150	***305***	05-11-23
171	Nong Quynh	Trang	19-04-05	2358010159	Khoa Thiết kế mỹ thuật	23DH3	180	125	***305***	05-11-23
172	Tran Huu	Tu	12-04-05	2353010088	Khoa Quản lý đô thị	23KX2	115	190	***305***	05-11-23
173	Bui Ha	Vi	26-07-05	2356030056	Khoa Quản lý đô thị	23RM	135	170	***305***	05-11-23
174	Hoang Chung	Anh	09-02-05	2351010012	Khoa Kiến trúc	23K3	180	120	***300***	05-11-23
175	Mai Thi Ngoc	Anh	29-08-05	2358040009	Khoa Thiết kế mỹ thuật	23TT1	135	165	***300***	05-11-23
176	Nguyen Thi Trang	Anh	15-10-05	2351010027	Khoa Kiến trúc	23K5	180	120	***300***	05-11-23
177	Tran Thi Ngoc	Anh	02-12-05	2356020097	Khoa Xây dựng	23DA3	145	155	***300***	05-11-23
178	Lai An	Binh	03-05-05	2353040008	Khoa Quản lý đô thị	23DE	230	70	***300***	05-11-23
179	Pham Thi Kim	Chi	23-06-04	2358010029	Khoa Thiết kế mỹ thuật	23DH2	140	160	***300***	05-11-23

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN MIỄN HỌC, MIỄN THI
CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG PHẦN 1 VÀ PHẦN 2

(Kèm theo Quyết định số: 631 /QĐ-ĐHKT-ĐT ngày 13 tháng 12 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội)

STT	Họ và tên		Ngày sinh	MSV	Khoa	Lớp	ĐIỂM TOEIC			Ngày thi
							Listening	Reading	Total	
180	Nguyen Tien	Dat	29-08-05	2351090005	Khoa Xây dựng	23VL	215	85	***300***	05-11-23
181	Tran Tuan	Dat	22-12-05	2353040012	Khoa Quản lý đô thị	23DE	140	160	***300***	05-11-23
182	Nguyen Minh	Duc	09-10-98	2351050025	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và Môi trường Đ	23D2	150	150	***300***	05-11-23
183	Tran Van	Dung	21-04-05	2355020020	Khoa Công nghệ thông tin	23CDP2	180	120	***300***	05-11-23
184	Nguyen Trong	Duong	13-04-04	2351010095	Khoa Kiến trúc	23K1	165	135	***300***	05-11-23
185	Nguyen Ha	Giang	12-11-05	2351050026	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và Môi trường Đ	23D2	135	165	***300***	05-11-23
186	Bui Duc	Hieu	10-11-05	2355010077	Khoa Công nghệ thông tin	23CN1	155	145	***300***	05-11-23
187	Chu Duc	Hieu	02-10-05	2355010078	Khoa Công nghệ thông tin	23CN2	150	150	***300***	05-11-23
188	Nguyen Khanh	Huyen	31-07-05	2358040034	Khoa Thiết kế mỹ thuật	23TT2	200	100	***300***	05-11-23
189	Nguyen Tien	Khai	01-01-05	2351060006	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và Môi trường Đ	23M	170	130	***300***	05-11-23
190	Pham Minh	Khanh	04-10-05	2355010118	Khoa Công nghệ thông tin	23CN2	125	175	***300***	05-11-23
191	Vu Dinh	Kien	13-11-05	2355010113	Khoa Công nghệ thông tin	23CN1	175	125	***300***	05-11-23
192	Nguyen Hoang	Long	21-02-05	2351080073	Khoa Quản lý đô thị	23QL1	180	120	***300***	05-11-23
193	Pham Ngoc	Ly	11-12-05	2353010059	Khoa Quản lý đô thị	23KX1	120	180	***300***	05-11-23
194	Tong Thi Hai	Ly	10-09-05	2353040029	Khoa Quản lý đô thị	23DE	120	180	***300***	05-11-23

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN MIỄN HỌC, MIỄN THI
CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG PHẦN 1 VÀ PHẦN 2

(Kèm theo Quyết định số: 631 /QĐ-ĐHKT-ĐT ngày 13 tháng 12 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội)

STT	Họ và tên		Ngày sinh	MSV	Khoa	Lớp	ĐIỂM TOEIC			Ngày thi
							Listening	Reading	Total	
195	Ma Thi Ngoc	Nga	16-11-05	2351010257	Khoa Kiến trúc	23K2	175	125	***300***	05-11-23
196	Hoang Thi Minh	Ngoc	15-01-05	2356020034	Khoa Xây dựng	23DA1	190	110	***300***	05-11-23
197	Trinh Cong	Ngoc	08-02-04	2356020140	Khoa Xây dựng	23DA3	145	155	***300***	05-11-23
198	Gian Le Duy	Phong	31-05-05	2351030149	Khoa Xây dựng	23X1	150	150	***300***	05-11-23
199	Pham Huu	Phuoc	10-10-05	2355020070	Khoa Công nghệ thông tin	23CDP2	120	180	***300***	05-11-23
200	Chu Le	Quyen	23-01-05	2358010127	Khoa Thiết kế mỹ thuật	23DH1	165	135	***300***	05-11-23
201	Ha Thi Giang	Tam	25-12-05	2353030042	Khoa Quản lý đô thị	23TL	150	150	***300***	05-11-23
202	Tran Thi	Thao	19-01-04	2351010421	Khoa Kiến trúc	23K+	150	150	***300***	05-11-23
203	Trieu Thi Than	Thuong	14-03-05	2358010158	Khoa Thiết kế mỹ thuật	23DH2	180	120	***300***	05-11-23
204	Le Ngoc	Tram	06-05-05	2351080112	Khoa Quản lý đô thị	23QL2	180	120	***300***	05-11-23
205	Tran Quoc Bao	Tung	05-10-05	2351080102	Khoa Quản lý đô thị	23QL2	130	170	***300***	05-11-23
206	Pham Nhat	Vy	03-12-05	2353030059	Khoa Quản lý đô thị	23TL	165	135	***300***	05-11-23
207	Nguyen Binh	Yen	17-01-05	2353030060	Khoa Quản lý đô thị	23TL	145	155	***300***	05-11-23

(Danh sách gồm 207 sinh viên)

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN MIỄN HỌC, MIỄN THI
CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG VÀ TIẾNG ANH PHẦN 1

(Kèm theo Quyết định số: 631/QĐ-ĐHKT-ĐT ngày 13 tháng 12 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội)

STT	Họ và tên		Ngày sinh	MSV	Khoa	Lớp	ĐIỂM TOEIC			Ngày thi
							Listening	Reading	Total	
1	Bui Ngoc Minh	Dang	06-05-05	2351020029	Khoa Quy hoạch Đô thị - Nông thôn	23Q1	290	155	***445***	26-11-23
2	Nguyen Quang	Tung	21-12-05	2356040037	Khoa Quy hoạch Đô thị - Nông thôn	23UD	215	230	***445***	26-11-23
3	Nguyen Tien	Dat	11-09-05	2351010100	Khoa Kiến trúc	23k5	240	200	***440***	26-11-23
4	Ha Anh	Nam	28-01-05	2358020141	Khoa Nội thất	23NT1	290	150	***440***	26-11-23
5	Ha Phuong	Trang	01-06-05	2358020220	Khoa Nội thất	23NT4	255	185	***440***	26-11-23
6	Duong Thuy	An	13-12-05	2352010001	Khoa Quy hoạch Đô thị - Nông thôn	23KTCQ	225	210	***435***	26-11-23
7	Nguyen Thi Thanh	Nhan	01-04-05	2353010067	Khoa Quản lý đô thị	23KX1	180	255	***435***	26-11-23
8	Le Tam	Nhu	20-10-05	2358020162	Khoa Nội thất	23NT2	245	190	***435***	26-11-23
9	Nguyen Duy	Anh	02-07-05	2358020016	Khoa Nội thất	23NT1	255	175	***430***	26-11-23
10	Nguyen Chau	Anh	15-12-05	2358020015	Khoa Nội thất	23NT3	230	190	***420***	26-11-23
11	Nguyen Minh	Duc	30-10-05	2355010069	Khoa Công nghệ thông tin	23CN1	220	200	***420***	26-11-23
12	Bui Ngoc	Linh	13-02-05	2352010028	Khoa Quy hoạch Đô thị - Nông thôn	23KTCQ	260	160	***420***	26-11-23
13	Dao Tuan	Minh	22-05-04	2358020291	Khoa Nội thất	23NT3	260	160	***420***	26-11-23
14	Do Gia	Huy	28-02-05	2351020045	Khoa Quy hoạch Đô thị - Nông thôn	23Q1	230	185	***415***	26-11-23

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN MIỄN HỌC, MIỄN THI
CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG VÀ TIẾNG ANH PHẦN 1

(Kèm theo Quyết định số: 631 /QĐ-ĐHKT-ĐT ngày 13 tháng 12 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC

STT	Họ và tên		Ngày sinh	MSV	Khoa	Lớp	ĐIỂM TOEIC			Ngày thi
							Listening	Reading	Total	
15	Le Hong	Phuc	27-12-05	2358020166	Khoa Nội thất	23NT1	255	160	***415***	26-11-23
16	Do Phuong	Nhi	19-03-05	2358020154	Khoa Nội thất	23NT4	230	180	***410***	26-11-23
17	Bui Ha	Phuong	13-05-05	2358020168	Khoa Nội thất	23NT3	240	170	***410***	26-11-23
18	Ta Mai	Phuong	21-03-05	2358020174	Khoa Nội thất	23NT4	145	265	***410***	26-11-23
19	Phan Nhat	Quang	04-12-05	2358020177	Khoa Nội thất	23NT2	250	160	***410***	26-11-23
20	Nguyen Phu	Thai	20-08-05	2351020102	Khoa Quy hoạch Đô thị - Nông thôn	23Q2	220	190	***410***	26-11-23
21	Truong Le Bao	Han	10-12-05	2358020067	Khoa Nội thất	23NT2	185	220	***405***	26-11-23
22	Nguyen Viet	Hoang	02-06-05	2351020041	Khoa Quy hoạch Đô thị - Nông thôn	23Q1	235	170	***405***	26-11-23
23	Le Dieu	Linh	14-06-05	2358020103	Khoa Nội thất	23NT3	275	130	***405***	26-11-23
24	Pham Khanh	Linh	01-10-05	2358020117	Khoa Nội thất	23NT2	230	175	***405***	26-11-23
25	Le Minh	Nguyet	22-04-05	2356040029	Khoa Quy hoạch Đô thị - Nông thôn	23UD	170	235	***405***	26-11-23
26	Nguyen The Duy	Anh	05-03-05	2352010005	Khoa Quy hoạch Đô thị - Nông thôn	23KTCQ	240	155	***395***	26-11-23
27	Nguyen Thi Lan	Anh	04-08-05	2358020019	Khoa Nội thất	23NT4	195	200	***395***	26-11-23
28	Tran Gia	Kiet	15-04-05	2351020052	Khoa Quy hoạch Đô thị - Nông thôn	23Q2	220	175	***395***	26-11-23

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN MIỄN HỌC, MIỄN THI
CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG VÀ TIẾNG ANH PHẦN 1

(Kèm theo Quyết định số: 631 /QĐ-ĐHKT-ĐT ngày 13 tháng 12 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội)

STT	Họ và tên		Ngày sinh	MSV	Khoa	Lớp	ĐIỂM TOEIC			Ngày thi
							Listening	Reading	Total	
29	Do Minh	Nhat	15-03-05	2351020075	Khoa Quy hoạch Đô thị - Nông thôn	23Q1	280	115	***395***	26-11-23
30	Dinh Vu Tan	Phat	12-06-05	2358020165	Khoa Nội thất	23NT1	240	155	***395***	26-11-23
31	Hoang Thanh	Quynh	14-05-05	2358020183	Khoa Nội thất	23NT3	210	185	***395***	26-11-23
32	Ngo Minh	Thu	31-08-05	2358020212	Khoa Nội thất	23NT2	220	175	***395***	26-11-23
33	Nguyen Ha	Anh	14-06-05	2358020017	Khoa Nội thất	23NT2	210	180	***390***	26-11-23
34	Tran Le	Na	12-10-05	2358020140	Khoa Nội thất	23NT4	215	175	***390***	26-11-23
35	Duong Thi Thuy	Ngan	17-07-04	2358020282	Khoa Nội thất	23NT1	205	185	***390***	26-11-23
36	Nguyen Phuong	Nhi	17-07-05	2358020159	Khoa Nội thất	23NT4	245	145	***390***	26-11-23
37	Vu Kieu Nhu	Quynh	17-10-05	2358020187	Khoa Nội thất	23NT2	230	160	***390***	26-11-23
38	Chu Anh	Tuan	14-01-05	2352010047	Khoa Quy hoạch Đô thị - Nông thôn	23KTCQ	175	215	***390***	26-11-23
39	Nguyen Van	Hieu	20-07-05	2356040046	Khoa Quy hoạch Đô thị - Nông thôn	23UD	205	180	***385***	26-11-23
40	Ngo Minh	Nam	12-01-05	2358020142	Khoa Nội thất	23NT2	230	155	***385***	26-11-23
41	Nguyen Nhu	Ngoc	26-12-05	2358020151	Khoa Nội thất	23NT1	210	175	***385***	26-11-23
42	Dao Hoang	Giap	02-10-05	2358020057	Khoa Nội thất	23NT2	250	125	***375***	26-11-23

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN MIỄN HỌC, MIỄN THI
CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG VÀ TIẾNG ANH PHẦN 1

(Kèm theo Quyết định số: 631 /QĐ-ĐHKT-ĐT ngày 13 tháng 12 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội)

STT	Họ và tên		Ngày sinh	MSV	Khoa	Lớp	ĐIỂM TOEIC			Ngày thi
							Listening	Reading	Total	
43	Vu Thi Xuan	Hien	11-02-05	2358020070	Khoa Nội thất	23NT2	205	170	***375***	26-11-23
44	Le Thanh	Ngan	21-08-05	2351020070	Khoa Quy hoạch Đô thị - Nông thôn	23Q2	220	155	***375***	26-11-23
45	Tran Ha	Trang	06-01-04	2358020299	Khoa Nội thất	23NT3	220	155	***375***	26-11-23
46	Pham Thanh	Binh	25-04-05	2358020034	Khoa Nội thất	23NT4	155	215	***370***	26-11-23
47	Nguyen Duc	Huy	09-10-05	2351010146	Khoa Kiến trúc	23K+	175	195	***370***	26-11-23
48	Doan Thi Dieu	Thao	02-07-05	2358020202	Khoa Nội thất	23NT2	160	210	***370***	26-11-23
49	Bui Huyen	Trang	23-01-05	2358020218	Khoa Nội thất	23NT3	240	130	***370***	26-11-23
50	Ha Minh	Tri	18-06-05	2351020109	Khoa Quy hoạch Đô thị - Nông thôn	23Q1	195	175	***370***	26-11-23
51	Hua Thuc	Anh	03-04-05	2358020008	Khoa Nội thất	23NT3	205	160	***365***	26-11-23
52	Doan Minh	Ngoc	28-07-05	2358020149	Khoa Nội thất	23NT4	150	215	***365***	26-11-23
53	Le Ngoc Uyen	Nhi	29-09-04	2358020260	Khoa Nội thất	23NT3	210	155	***365***	26-11-23
54	Le Ngoc	Anh	07-11-04	2358020254	Khoa Nội Thất	23NT1	225	135	***360***	26-11-23
55	Vu Hoang	Anh	14-12-05	2351020004	Khoa Quy hoạch Đô thị - Nông thôn	23Q2	220	140	***360***	26-11-23
56	Tran Thuy	Duong	08-08-05	2358020049	Khoa Nội thất	23NT4	175	185	***360***	26-11-23

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN MIỄN HỌC, MIỄN THI
CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG VÀ TIẾNG ANH PHẦN 1

(Kèm theo Quyết định số: 631 /QĐ-ĐHKT-ĐT ngày 13 tháng 12 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội)

STT	Họ và tên		Ngày sinh	MSV	Khoa	Lớp	ĐIỂM TOEIC			Ngày thi
							Listening	Reading	Total	
57	Nguyen Hoang	Hai	27-12-05	2352010015	Khoa Quy hoạch Đô thị - Nông thôn	23KTCQ	260	100	***360***	26-11-23
58	Nguyen Cong	Huy	04-04-05	2351020046	Khoa Quy hoạch Đô thị - Nông thôn	23Q2	215	145	***360***	26-11-23
59	Nguyen Tuan	Phong	18-11-05	2356040032	Khoa Quy hoạch Đô thị - Nông thôn	23UD	220	140	***360***	26-11-23
60	Hoang Kieu	Anh	24-12-05	2358020007	Khoa Nội thất	23NT2	230	125	***355***	26-11-23
61	Ha Thi Viet	Ha	29-08-05	2358020058	Khoa Nội thất	23NT3	185	170	***355***	26-11-23
62	Nguyen Duy	Hung	07-07-04	2355010093	Khoa Công nghệ thông tin	23CN1	120	235	***355***	26-11-23
63	Lai Yen	Nhi	25-05-05	2358010118	Khoa Thiết kế mỹ thuật	23DH4	235	120	***355***	26-11-23
64	Dong Phuong	Uyen	17-06-05	2358020235	Khoa Nội Thất	23NT3	225	130	***355***	26-11-23
65	Tran Ngoc	Hoai	17-11-04	2358020276	Khoa Nội thất	23NT3	205	145	***350***	26-11-23
66	Tran Khanh	Huyen	14-06-05	2358020085	Khoa Nội thất	23NT1	210	140	***350***	26-11-23
67	Nguyen Van	Quan	10-05-05	2351020084	Khoa Quy hoạch Đô thị - Nông thôn	23Q2	190	160	***350***	26-11-23

(Danh sách gồm 67 sinh viên)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN MIỄN HỌC, MIỄN THI CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG PHẦN 1 VÀ PHẦN 2

(Kèm theo Quyết định số: 631 /QĐ-ĐHKT-ĐT ngày 13 tháng 12 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội)

STT	Họ và tên		Ngày sinh	MSV	Khoa	Lớp	ĐIỂM TOEIC			Ngày thi
							Listening	Reading	Total	
1	Bui Thi Ngoc	Anh	04-04-05	2353040005	Khoa Quản lý đô thị	23DE	145	200	***345***	05-11-23
2	Le Khanh	Chi	29-07-05	2355010032	Khoa Công nghệ thông tin	23CN4	205	140	***345***	05-11-23
3	Hoang Vinh	Cuong	05-05-05	2351080013	Khoa Quản lý đô thị	23QL1	245	100	***345***	05-11-23
4	Luu Viet Hai	Dang	26-11-05	2351010104	Khoa Kiến trúc	23K1	190	155	***345***	05-11-23
5	Le Huy	Duc	20-05-05	2351010110	Khoa Kiến trúc	23K6	190	155	***345***	05-11-23
6	Luu Hoang	Duong	26-06-05	2351030054	Khoa Xây dựng	23X2	200	145	***345***	05-11-23
7	Nguyen Le Anh	Duong	23-07-05	2355010050	Khoa Công nghệ thông tin	23CN2	170	175	***345***	05-11-23
8	Nguyen Gia	Hai	30-03-05	2351080034	Khoa Quản lý đô thị	23QL2	165	180	***345***	05-11-23
9	Ly Gia	Huy	20-01-05	2351010144	Khoa Kiến trúc	23K5	180	165	***345***	05-11-23
10	Vu Quang	Huy	07-05-05	2351010157	Khoa Kiến trúc	23K3	210	135	***345***	05-11-23
11	Truong The	Khang	23-03-05	2351030111	Khoa Xây dựng	23X2	120	225	***345***	05-11-23
12	Le Trung	Kien	04-08-05	2353030026	Khoa Quản lý đô thị	23TL	145	200	***345***	05-11-23
13	Pham Khanh	Linh	12-10-05	2356020075	Khoa Xây dựng	23DA2	165	180	***345***	05-11-23
14	Tran Phuong	Linh	12-09-05	2351080070	Khoa Quản lý đô thị	23QL2	210	135	***345***	05-11-23

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN MIỄN HỌC, MIỄN THI CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG VÀ TIẾNG ANH PHẦN 1

(Kèm theo Quyết định số: 631 /QĐ-ĐHKT-ĐT ngày 13 tháng 12 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội)

STT	Họ và tên		Ngày sinh	MSV	Khoa	Lớp	ĐIỂM TOEIC			Ngày thi
							Listening	Reading	Total	
1	Vu Ngoc	Anh	29-03-05	2351010036	Khoa Kiến trúc	23K4	245	200	***445***	05-11-23
2	Le Thi	Chi	12-02-05	2351010064	Khoa Kiến trúc	23K6	240	205	***445***	05-11-23
3	Chung Quang	Dat	14-03-05	2355010054	Khoa Công nghệ thông tin	23CN2	215	230	***445***	05-11-23
4	Bui Duc	Long	02-01-05	2351010211	Khoa Kiến trúc	23K1	245	200	***445***	05-11-23
5	Nguyen Hoang	An	08-11-05	2351030003	Khoa Xây dựng	23X+	245	195	***440***	05-11-23
6	Dao Minh	Chau	02-03-05	2351030035	Khoa Xây dựng	23X1	220	220	***440***	05-11-23
7	Du Vinh	Co	05-09-05	2351030027	Khoa Xây dựng	23X1	230	210	***440***	05-11-23
8	Nguyen Thanh	Dat	29-04-05	2355010057	Khoa Công nghệ thông tin	23CN1	275	165	***440***	05-11-23
9	Le Thi Thuy	Linh	05-11-05	2358010080	Khoa Thiết kế mỹ thuật	23DH2	210	230	***440***	05-11-23
10	Kieu Duc	Luong	19-05-05	2351080074	Khoa Quản lý đô thị	23QL2	225	215	***440***	05-11-23
11	Le Thi Thu	Thao	05-10-05	2351010333	Khoa Kiến trúc	23K4	220	220	***440***	05-11-23
12	Ta Duong Gia	Bao	17-11-05	2353020006	Khoa Quản lý đô thị	23IE	165	270	***435***	05-11-23
13	Ha Van	Chinh	10-10-05	2355010035	Khoa Công nghệ thông tin	23CN3	205	230	***435***	05-11-23
14	Ngo Duc	Duan	29-04-05	2351010076	Khoa Kiến trúc	23K3	265	170	***435***	05-11-23
15	Nguyen Trung	Hieu	08-08-05	2358040028	Khoa Thiết kế mỹ thuật	23TT2	240	195	***435***	05-11-23
16	Nguyen Thi	Hoa	23-08-05	2358010059	Khoa Thiết kế mỹ thuật	23DH2	195	240	***435***	05-11-23
17	Nguyen Mai	Linh	03-08-05	2358010082	Khoa Thiết kế mỹ thuật	23DH1	220	215	***435***	05-11-23
18	Truong Hoang	Long	03-08-05	2355010131	Khoa Công nghệ thông tin	23CN3	255	180	***435***	05-11-23

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN MIỄN HỌC, MIỄN THI
CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG VÀ TIẾNG ANH PHẦN 1

(Kèm theo Quyết định số: 631 /QĐ-ĐHKT-ĐT ngày 13 tháng 12 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội)

STT	Họ và tên		Ngày sinh	MSV	Khoa	Lớp	ĐIỂM TOEIC			Ngày thi
							Listening	Reading	Total	
19	Bui Ngoc	Minh	09-05-05	2351010232	Khoa Kiến trúc	23K3	215	220	***435***	05-11-23
20	Dinh Cong	Quy	08-10-05	2356020038	Khoa Xây dựng	23DA1	255	180	***435***	05-11-23
21	Nguyen Ngoc	Quy	29-08-05	2358030017	Khoa Thiết kế mỹ thuật	23DK	240	195	***435***	05-11-23
22	Nguyen Tien	Tai	21-10-05	2356020087	Khoa Xây dựng	23DA2	255	180	***435***	05-11-23
23	Tran Thu	Trang	12-11-05	2353010103	Khoa Quản lý đô thị	23KX1	180	255	***435***	05-11-23
24	Nguyen Quoc	Anh	22-01-05	2351010023	Khoa Kiến trúc	23K3	210	220	***430***	05-11-23
25	Le Tien Viet	Bach	08-10-05	2353010016	Khoa Quản lý đô thị	23KX2	255	175	***430***	05-11-23
26	Le Quynh	Chi	29-07-05	2355010033	Khoa Công nghệ thông tin	23CN1	280	150	***430***	05-11-23
27	Doan Viet	Cuong	04-01-05	2351010058	Khoa Kiến trúc	23K2	235	195	***430***	05-11-23
28	Hoang Khanh	Du	30-01-05	2355020016	Khoa Công nghệ thông tin	23CDP2	215	215	***430***	05-11-23
29	Hoang Tung	Duong	19-04-05	2353020009	Khoa Quản lý đô thị	23IE	220	210	***430***	05-11-23
30	Nguyen Quoc	Huy	02-04-05	2351010151	Khoa Kiến trúc	23K5	210	220	***430***	05-11-23
31	Tran Thi Ngoc	Linh	16-05-05	2353020027	Khoa Quản lý đô thị	23IE	225	205	***430***	05-11-23
32	Sisouphanh Thien	Phong	13-11-05	2351030152	Khoa Xây dựng	23X+	250	180	***430***	05-11-23
33	Le Phuong	Thao	14-02-05	2353040054	Khoa Quản lý đô thị	23DE	275	155	***430***	05-11-23
34	Le Dieu	Thu	08-06-05	2358010152	Khoa Thiết kế mỹ thuật	23DH4	235	195	***430***	05-11-23
35	Nguyen Tien	Tiep	19-06-05	2355020075	Khoa Công nghệ thông tin	23CDP1	180	250	***430***	05-11-23
36	Vu Dinh	Vinh	16-10-05	2355010207	Khoa Công nghệ thông tin	23CN3	225	205	***430***	05-11-23
37	Hoang Phan Duy	An	25-01-05	2356030001	Khoa Quản lý đô thị	23RM	245	180	***425***	05-11-23

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN MIỄN HỌC, MIỄN THI
CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG VÀ TIẾNG ANH PHẦN 1

(Kèm theo Quyết định số: 631 /QĐ-ĐHKT-ĐT ngày 13 tháng 12 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội)

STT	Họ và tên		Ngày sinh	MSV	Khoa	Lớp	ĐIỂM TOEIC			Ngày thi
							Listening	Reading	Total	
38	Nguyen Phuong	Anh	14-09-05	2355020008	Khoa Công nghệ thông tin	23CDP2	240	185	***425***	05-11-23
39	Ha Thu	Hien	07-04-05	2358010054	Khoa Thiết kế mỹ thuật	23DH3	210	215	***425***	05-11-23
40	Vu Ngoc	Huyen	12-03-05	2358030014	Khoa Thiết kế mỹ thuật	23DK	265	160	***425***	05-11-23
41	Pham Thu	Ngan	19-08-05	2355010149	Khoa Công nghệ thông tin	23CN1	210	215	***425***	05-11-23
42	Le Anh	Quan	13-02-05	2353010085	Khoa Quản lý đô thị	23KX1	205	220	***425***	05-11-23
43	Tran Anh	Tuan	23-11-05	2351010324	Khoa Kiến trúc	23K6	225	200	***425***	05-11-23
44	Duong The	Vinh	13-09-05	2351010377	Khoa Kiến trúc	23K+	215	210	***425***	05-11-23
45	Tran Nam	Anh	30-12-05	2355010018	Khoa Công nghệ thông tin	23CN2	270	150	***420***	05-11-23
46	Ha Thi	Hai	08-09-05	2351010117	Khoa Kiến trúc	23K3	185	235	***420***	05-11-23
47	Dinh Thuy	Hanh	26-04-04	2358010190	Khoa Thiết kế mỹ thuật	23DH2	210	210	***420***	05-11-23
48	Dang Gia	Khanh	20-12-05	2354010017	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và Môi trường ĐT	23GT	245	175	***420***	05-11-23
49	Luu Trong	Khue	04-09-05	2356020071	Khoa Xây dựng	23DA2	225	195	***420***	05-11-23
50	Tran Thi Khanh	Linh	04-10-05	2355010125	Khoa Công nghệ thông tin	23CN1	190	230	***420***	05-11-23
51	Ngo Hoang	Long	14-09-05	2351080072	Khoa Quản lý đô thị	23QL2	260	160	***420***	05-11-23
52	Ha Minh	Phuc	30-11-05	2353010080	Khoa Quản lý đô thị	23KX2	225	195	***420***	05-11-23
53	Nguyen Hong	Quang	12-09-05	2351050061	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và Môi trường ĐT	23D1	225	195	***420***	05-11-23
54	Hoang Thi	Quynh	17-11-05	2351010305	Khoa Kiến trúc	23K+	210	210	***420***	05-11-23
55	Nguyen Huu	Thanh	24-12-05	2353040053	Khoa Quản lý đô thị	23DE	255	165	***420***	05-11-23
56	Hoang Le Thu	Thao	30-12-05	2358010141	Khoa Thiết kế mỹ thuật	23DH3	205	215	***420***	05-11-23

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN MIỄN HỌC, MIỄN THI
CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG VÀ TIẾNG ANH PHẦN 1

(Kèm theo Quyết định số: 631 /QĐ-ĐHKT-ĐT ngày 13 tháng 12 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội)

STT	Họ và tên		Ngày sinh	MSV	Khoa	Lớp	ĐIỂM TOEIC			Ngày thi
							Listening	Reading	Total	
57	Tran Manh	Dat	03-08-05	2351010102	Khoa Kiến trúc	23K3	215	200	***415***	05-11-23
58	Nguyen Thi	Diu	27-11-05	2351010072	Khoa Kiến trúc	23K5	235	180	***415***	05-11-23
59	Ho Khanh	Ha	06-10-05	2351060004	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và Môi trường ĐT	23M	235	180	***415***	05-11-23
60	Tu Nguyen Phuong	Hieu	26-11-05	2358010057	Khoa Thiết kế mỹ thuật	23DH4	215	200	***415***	05-11-23
61	Phan Anh	Hong	19-11-05	2356010013	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và Môi trường ĐT	23ME	215	200	***415***	05-11-23
62	Nguyen Quang	Huy	19-09-05	2351010150	Khoa Kiến trúc	23K4	215	200	***415***	05-11-23
63	Pham Thanh	Minh	09-12-05	2358010102	Khoa Thiết kế mỹ thuật	23DH3	235	180	***415***	05-11-23
64	Dao Huyen	Nhi	26-03-05	2353010070	Khoa Quản lý đô thị	23KX2	245	170	***415***	05-11-23
65	Tran Phuong	Thao	13-09-05	2351010337	Khoa Kiến trúc	23K2	210	205	***415***	05-11-23
66	Ngo Thi Thu	Trang	06-06-05	2351010395	Khoa Kiến trúc	23K4	245	170	***415***	05-11-23
67	Hoang Hai	Anh	19-10-05	2355010007	Khoa Công nghệ thông tin	23CN3	250	160	***410***	05-11-23
68	Mai Thi Van	Anh	25-02-05	2358010015	Khoa Thiết kế mỹ thuật	23DH4	175	235	***410***	05-11-23
69	Phan Van	Bac	15-11-05	2355010026	Khoa Công nghệ thông tin	23CN2	245	165	***410***	05-11-23
70	Nguyen Mai	Chi	17-08-05	2355020014	Khoa Công nghệ thông tin	23CDP2	210	200	***410***	05-11-23
71	Nguyen Hai	Dang	21-06-05	2351010106	Khoa Kiến trúc	23K+	225	185	***410***	05-11-23
72	Vuong Tien	Dat	02-11-05	2351090007	Khoa Xây dựng	23VL	230	180	***410***	05-11-23
73	Nguyen Phu	Duong	22-02-05	2351050016	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và Môi trường ĐT	23D2	265	145	***410***	05-11-23
74	Nguyen Thi Thu	Hien	09-02-03	2358040086	Khoa Thiết kế mỹ thuật	23TT1	185	225	***410***	05-11-23
75	Nguyen Ngoc	Hung	15-06-05	2351010165	Khoa Kiến trúc	23K3	235	175	***410***	05-11-23

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN MIỄN HỌC, MIỄN THI
CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG VÀ TIẾNG ANH PHẦN 1

(Kèm theo Quyết định số: 631 /QĐ-ĐHKT-ĐT ngày 13 tháng 12 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội)

STT	Họ và tên		Ngày sinh	MSV	Khoa	Lớp	ĐIỂM TOEIC			Ngày thi
							Listening	Reading	Total	
76	Trinh Duc	Huy	12-07-05	2355010104	Khoa Công nghệ thông tin	23CN4	185	225	***410***	05-11-23
77	Pham Duy	Khanh	15-09-05	2351080058	Khoa Quản lý đô thị	23QL2	245	165	***410***	05-11-23
78	Nguyen Thi Ngoc	Oanh	15-02-05	2358010121	Khoa Thiết kế mỹ thuật	23DH1	270	140	***410***	05-11-23
79	Tran Tuan	Thanh	22-07-05	2353030049	Khoa Quản lý đô thị	23TL	255	155	***410***	05-11-23
80	Pham Nguyen	Thao	01-01-05	2358010145	Khoa Thiết kế mỹ thuật	23DH1	230	180	***410***	05-11-23
81	Hoang Thuy	Trang	30-06-05	2351010358	Khoa Kiến trúc	23K3	235	175	***410***	05-11-23
82	Nguyen Thi Thu	Trang	21-01-05	2353010100	Khoa Quản lý đô thị	23KX2	205	205	***410***	05-11-23
83	Nguyen Quang	Vinh	10-10-05	2355010206	Khoa Công nghệ thông tin	23CN2	250	160	***410***	05-11-23
84	Le Tuan	Anh	02-03-05	2351010014	Khoa Kiến trúc	23K3	190	215	***405***	05-11-23
85	Ngac Minh	Chau	12-03-05	2351010062	Khoa Kiến trúc	23K5	235	170	***405***	05-11-23
86	Chu Thi	Dung	02-05-05	2358040017	Khoa Thiết kế mỹ thuật	23TT1	180	225	***405***	05-11-23
87	Nguyen Duc	Dung	04-11-05	2355020019	Khoa Công nghệ thông tin	23CDP1	250	155	***405***	05-11-23
88	Le Anh Binh	Duong	21-10-05	2353040011	Khoa Quản lý đô thị	23DE	170	235	***405***	05-11-23
89	Nguyen Huu	Hoang	02-03-05	2355020038	Khoa Công nghệ thông tin	23CDP2	220	185	***405***	05-11-23
90	Dao Tien	Hung	28-03-05	2351050038	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và Môi trường ĐT	23D2	220	185	***405***	05-11-23
91	Phi Ba Nguyen	Khoa	07-10-05	2351010187	Khoa Kiến trúc	23K5	205	200	***405***	05-11-23
92	Nguyen Trang	Linh	25-01-05	2351010201	Khoa Kiến trúc	23K4	255	150	***405***	05-11-23
93	Nguyen Thi Xuan	Mai	19-07-05	2351010228	Khoa Kiến trúc	23K3	235	170	***405***	05-11-23
94	Duong Quynh	Nga	14-03-05	2356030035	Khoa Quản lý đô thị	23RM	270	135	***405***	05-11-23

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN MIỄN HỌC, MIỄN THI
CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG VÀ TIẾNG ANH PHẦN 1

(Kèm theo Quyết định số: 621 /QĐ-ĐHKT-ĐT ngày 13 tháng 12 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội)

STT	Họ và tên		Ngày sinh	MSV	Khoa	Lớp	ĐIỂM TOEIC			Ngày thi
							Listening	Reading	Total	
95	Bui Le Quang	Ninh	29-04-05	2351080082	Khoa Quản lý đô thị	23QL2	150	255	***405***	05-11-23
96	Cung Ngoc Huyen	Trang	31-07-05	2351050083	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và Môi trường ĐT	23D1	255	150	***405***	05-11-23
97	Nguyen Duc	Anh	31-07-05	2351010387	Khoa Kiến trúc	23K2	220	180	***400***	05-11-23
98	Pham Nhat	Anh	31-01-05	2351080009	Khoa Quản lý đô thị	23QL1	220	180	***400***	05-11-23
99	Vo Van	Dung	01-04-05	2351010078	Khoa Kiến trúc	23K5	205	195	***400***	05-11-23
100	Pham Quang	Khai	31-03-05	2356010018	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và Môi trường ĐT	23ME	280	120	***400***	05-11-23
101	Nguyen Nam	Khanh	18-06-05	2351010182	Khoa Kiến trúc	23K6	230	170	***400***	05-11-23
102	Tran Minh	Khanh	02-09-05	2351010184	Khoa Kiến trúc	23K2	200	200	***400***	05-11-23
103	Nong Tran Khanh	Linh	14-08-05	2351080066	Khoa Quản lý đô thị	23QL2	245	155	***400***	05-11-23
104	Nguyen Ngoc Thanh	Loan	08-11-04	2358040093	Khoa Thiết kế mỹ thuật	23TT2	220	180	***400***	05-11-23
105	Do Hoang	Mai	15-03-05	2351010227	Khoa Kiến trúc	23K1	190	210	***400***	05-11-23
106	Nong Thanh Ngoc	Quang	18-11-05	2351010291	Khoa Kiến trúc	23K5	175	225	***400***	05-11-23
107	Vuong Ngoc Huyen	Trang	20-02-05	2351010361	Khoa Kiến trúc	23K6	255	145	***400***	05-11-23
108	Nguyen Minh	Yen	25-11-05	2356020047	Khoa Xây dựng	23DA1	205	195	***400***	05-11-23
109	Phan Hoang Tuan	Anh	03-04-05	2351070006	Khoa Xây dựng	23XN	255	140	***395***	05-11-23
110	Truong My	Anh	19-03-05	2356030007	Khoa Quản lý đô thị	23RM	245	150	***395***	05-11-23
111	Doan Anh	Duc	01-11-05	2353010025	Khoa Quản lý đô thị	23KX1	220	175	***395***	05-11-23
112	Tran Gia	Huy	31-07-05	2355010103	Khoa Công nghệ thông tin	23CN3	230	165	***395***	05-11-23
113	Tran Thi Khanh	Linh	27-06-05	2351010409	Khoa Kiến trúc	23K6	220	175	***395***	05-11-23

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN MIỄN HỌC, MIỄN THI
CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG VÀ TIẾNG ANH PHẦN 1

(Kèm theo Quyết định số: 631 /QĐ-ĐHKT-ĐT ngày 13 tháng 12 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội)

STT	Họ và tên		Ngày sinh	MSV	Khoa	Lớp	ĐIỂM TOEIC			Ngày thi
							Listening	Reading	Total	
114	Bui Gia	Minh	02-11-05	2351050048	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và Môi trường ĐT	23D2	215	180	***395***	05-11-23
115	Trinh Lan	Phuong	19-04-05	2355020071	Khoa Công nghệ thông tin	23CDP1	230	165	***395***	05-11-23
116	Chu Duc	Quang	15-07-05	2351010289	Khoa Kiến trúc	23K3	215	180	***395***	05-11-23
117	Nguyen Thanh	Son	05-12-05	2351070038	Khoa Xây dựng	23XN	225	170	***395***	05-11-23
118	Nguyen Duc	Tai	24-06-05	2351080097	Khoa Quản lý đô thị	23QL1	235	160	***395***	05-11-23
119	Nguyen Vu	Thai	08-08-05	2351010329	Khoa Kiến trúc	23K1	235	160	***395***	05-11-23
120	Le Thu	Trang	03-05-05	2351040027	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và Môi trường ĐT	23N	185	210	***395***	05-11-23
121	Nguyen Duc	Anh	03-10-05	2351010018	Khoa Kiến trúc	23K2	225	165	***390***	05-11-23
122	Le Thanh	Binh	03-11-05	2353030006	Khoa Quản lý đô thị	23TL	210	180	***390***	05-11-23
123	Trinh Minh	Dang	22-01-05	2351030063	Khoa Xây dựng	23X+	220	170	***390***	05-11-23
124	Nguyen Duy	Hieu	25-11-05	2351030084	Khoa Xây dựng	23X1	220	170	***390***	05-11-23
125	Tran Ngoc	Hieu	31-01-05	2355010082	Khoa Công nghệ thông tin	23CN2	240	150	***390***	05-11-23
126	Duong Dang	Hung	16-02-05	2351010138	Khoa Kiến trúc	23K+	215	175	***390***	05-11-23
127	Nguyen Quang	Huy	22-09-05	2351010149	Khoa Kiến trúc	23K3	265	125	***390***	05-11-23
128	Kim Khanh	Huyen	20-03-05	2351080053	Khoa Quản lý đô thị	23QL1	220	170	***390***	05-11-23
129	Tran Khanh	Huyen	24-02-05	2353010040	Khoa Quản lý đô thị	23KX2	215	175	***390***	05-11-23
130	Nong Hoang	Luong	25-03-05	2353020029	Khoa Quản lý đô thị	23IE	185	205	***390***	05-11-23
131	Tong Hoang	Nam	30-04-05	2356020033	Khoa Xây dựng	23DA1	215	175	***390***	05-11-23
132	Nguyen Dinh	Quan	10-06-05	2351030161	Khoa Xây dựng	23X+	240	150	***390***	05-11-23

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN MIỄN HỌC, MIỄN THI
CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG VÀ TIẾNG ANH PHẦN 1

(Kèm theo Quyết định số: 631/QĐ-ĐHKT-ĐT ngày 13 tháng 12 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội)

STT	Họ và tên		Ngày sinh	MSV	Khoa	Lớp	ĐIỂM TOEIC			Ngày thi
							Listening	Reading	Total	
133	Nguyen Hong	Quan	20-09-05	2351030162	Khoa Xây dựng	23X1	240	150	***390***	05-11-23
134	Ta Thi Minh	Thu	06-08-05	2351010352	Khoa Kiến trúc	23K+	230	160	***390***	05-11-23
135	Nguyen Le Thuy	Tien	25-11-04	2355020074	Khoa Công nghệ thông tin	23CDP2	185	205	***390***	05-11-23
136	Nguyen Thi Huyen	Trang	17-09-05	2353030056	Khoa Quản lý đô thị	23TL	215	175	***390***	05-11-23
137	Ngo Quang	Vinh	21-04-05	2355010205	Khoa Công nghệ thông tin	23CN1	185	205	***390***	05-11-23
138	Vu Duc	Anh	04-10-05	2351030016	Khoa Xây dựng	23X1	205	180	***385***	05-11-23
139	Pham Nguyen Manh	Hieu	20-08-05	2351010129	Khoa Kiến trúc	23K6	230	155	***385***	05-11-23
140	Vu Minh	Hieu	27-05-05	2356010011	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và Môi trường ĐT	23ME	215	170	***385***	05-11-23
141	Vu Hoang	Khoi	03-11-05	2355010121	Khoa Công nghệ thông tin	23CN1	170	215	***385***	05-11-23
142	Nguyen The Thuy	Linh	07-12-05	2351050042	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và Môi trường ĐT	23D2	225	160	***385***	05-11-23
143	Nguyen Nguyet	Minh	08-06-05	2351010240	Khoa Kiến trúc	23K2	225	160	***385***	05-11-23
144	Nguyen Thien	Ngan	01-05-05	2358040060	Khoa Thiết kế mỹ thuật	23TT2	235	150	***385***	05-11-23
145	Nguyen Duc	Nhan	16-11-05	2351010270	Khoa Kiến trúc	23K5	240	145	***385***	05-11-23
146	Nguyen Thanh	Tuan	06-01-05	2351030176	Khoa Xây dựng	23X1	210	175	***385***	05-11-23
147	Dau Duc	Vuong	07-06-05	2355020090	Khoa Công nghệ thông tin	23CDP2	265	120	***385***	05-11-23
148	Le Hung	Vuong	15-10-05	2351030216	Khoa Xây dựng	23X2	210	175	***385***	05-11-23
149	Do Quang	Anh	09-11-05	2353010005	Khoa Quản lý đô thị	23KX1	190	190	***380***	05-11-23
150	Do Vu Hoai	Anh	21-08-05	2351010396	Khoa Kiến trúc	23K5	225	155	***380***	05-11-23
151	Nguyen Duc	Anh	13-10-05	2356020003	Khoa Xây dựng	23DA1	240	140	***380***	05-11-23

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN MIỄN HỌC, MIỄN THI
CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG VÀ TIẾNG ANH PHẦN 1

(Kèm theo Quyết định số: 631 /QĐ-ĐHKT-ĐT ngày 13 tháng 12 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội)

STT	Họ và tên		Ngày sinh	MSV	Khoa	Lớp	ĐIỂM TOEIC			Ngày thi
							Listening	Reading	Total	
152	Nguyen Quang	Anh	06-10-05	2353030003	Khoa Quản lý đô thị	23TL	185	195	***380***	05-11-23
153	Vo Manh	Duy	29-03-05	2351010087	Khoa Kiến trúc	23K3	225	155	***380***	05-11-23
154	Vu Duy	Hiep	15-07-05	2353030017	Khoa Quản lý đô thị	23TL	175	205	***380***	05-11-23
155	Nguyen Quynh	Hoa	03-12-05	2355010083	Khoa Công nghệ thông tin	23CN3	215	165	***380***	05-11-23
156	Nguyen Thai	Hoang	22-07-05	2351040032	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và Môi trường ĐT	23N	225	155	***380***	05-11-23
157	Nguyen Thi Thu	Huong	17-03-05	2358040036	Khoa Thiết kế mỹ thuật	23TT2	240	140	***380***	05-11-23
158	Tran Quang	Huy	17-12-05	2356030022	Khoa Quản lý đô thị	23RM	220	160	***380***	05-11-23
159	Luong Quoc	Khanh	13-10-05	2351030112	Khoa Xây dựng	23X3	230	150	***380***	05-11-23
160	Nguyen Tran Bao	Lam	08-01-05	2351010191	Khoa Kiến trúc	23K3	145	235	***380***	05-11-23
161	Bui Thi Thuy	Linh	10-07-05	2358010078	Khoa Thiết kế mỹ thuật	23DH4	205	175	***380***	05-11-23
162	Le Dao Thuy	Linh	13-09-05	2358010079	Khoa Thiết kế mỹ thuật	23DH4	185	195	***380***	05-11-23
163	Le Thi	Mai	11-01-04	2358010195	Khoa Thiết kế mỹ thuật	23DH3	220	160	***380***	05-11-23
164	Le Huu Tuan	Minh	31-05-05	2351030134	Khoa Xây dựng	23X1	230	150	***380***	05-11-23
165	La Minh	Phuong	20-12-05	2355010160	Khoa Công nghệ thông tin	23CN4	215	165	***380***	05-11-23
166	Tran Ngoc	Tam	29-05-05	2351010312	Khoa Kiến trúc	23K+	195	185	***380***	05-11-23
167	Nguyen Thuy	Trang	30-06-05	2355010196	Khoa Công nghệ thông tin	23CN4	205	175	***380***	05-11-23
168	Pham Thi Kieu	Trinh	10-12-05	2355010199	Khoa Công nghệ thông tin	23CN3	185	195	***380***	05-11-23
169	Tran Nhat	Anh	03-11-05	2353010014	Khoa Quản lý đô thị	23KX2	200	175	***375***	05-11-23
170	Vu Trung	Anh	30-05-05	2351010037	Khoa Kiến trúc	23K5	175	200	***375***	05-11-23

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN MIỄN HỌC, MIỄN THI
CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG VÀ TIẾNG ANH PHẦN 1

(Kèm theo Quyết định số: 631 /QĐ-ĐHKT-ĐT ngày 13 tháng 12 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội)

STT	Họ và tên		Ngày sinh	MSV	Khoa	Lớp	ĐIỂM TOEIC			Ngày thi
							Listening	Reading	Total	
171	Nguyen Anh	Dung	10-07-05	2356010006	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và Môi trường ĐT	23ME	225	150	***375***	05-11-23
172	Pham Tran Hong	Duong	02-12-05	2353030007	Khoa Quản lý đô thị	23TL	235	140	***375***	05-11-23
173	Nguyen Thi Huong	Giang	08-01-05	2358040019	Khoa Thiết kế mỹ thuật	23TT1	175	200	***375***	05-11-23
174	Le Thi Van	Khanh	08-12-05	2355020046	Khoa Công nghệ thông tin	23CDP2	190	185	***375***	05-11-23
175	Pham Duc	Khanh	02-09-05	2351010415	Khoa Kiến trúc	23K6	180	195	***375***	05-11-23
176	Pham Thi Hai	Linh	13-09-05	2358010086	Khoa Thiết kế mỹ thuật	23DH2	170	205	***375***	05-11-23
177	Vu Khanh	Linh	28-03-05	2351010207	Khoa Kiến trúc	23K1	235	140	***375***	05-11-23
178	Pham Quang	Minh	20-07-05	2351030137	Khoa Xây dựng	23X+	215	160	***375***	05-11-23
179	Nguyen Dinh	Thai	11-05-05	2351030184	Khoa Xây dựng	23X1	200	175	***375***	05-11-23
180	Nguyen Xuan	Tien	07-04-05	2351010316	Khoa Kiến trúc	23K4	210	165	***375***	05-11-23
181	Pham Duc	Trung	17-03-05	2353010104	Khoa Quản lý đô thị	23KX2	215	160	***375***	05-11-23
182	Nguyen Thi Binh	An	05-11-05	2358010002	Khoa Thiết kế mỹ thuật	23DH4	210	160	***370***	05-11-23
183	Hoang Gia Duc	Anh	19-01-05	2351030008	Khoa Xây dựng	23X3	170	200	***370***	05-11-23
184	Le Van	Anh	23-11-05	2353020003	Khoa Quản lý đô thị	23IE	205	165	***370***	05-11-23
185	Nguyen Cong Tuan	Anh	31-10-05	2351070002	Khoa Xây dựng	23XN	235	135	***370***	05-11-23
186	Nguyen Thi Hoai	Anh	03-04-05	2355020005	Khoa Công nghệ thông tin	23CDP1	175	195	***370***	05-11-23
187	Nguy Thi Thanh	Dieu	18-07-05	2351010071	Khoa Kiến trúc	23K5	220	150	***370***	05-11-23
188	Truong Anh	Dung	11-09-05	2351030044	Khoa Xây dựng	23X2	230	140	***370***	05-11-23
189	Truong Ngoc	Ha	13-08-05	2358010047	Khoa Thiết kế mỹ thuật	23DH2	220	150	***370***	05-11-23

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN MIỄN HỌC, MIỄN THI
CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG VÀ TIẾNG ANH PHẦN 1

(Kèm theo Quyết định số: 631/QĐ-ĐHKT-ĐT ngày 13 tháng 12 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội)

STT	Họ và tên		Ngày sinh	MSV	Khoa	Lớp	ĐIỂM TOEIC			Ngày thi
							Listening	Reading	Total	
190	Ngo Vu	Hoang	21-09-05	2356010033	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và Môi trường ĐT	23ME	155	215	***370***	05-11-23
191	Nguyen Viet	Hoang	25-08-05	2355010085	Khoa Công nghệ thông tin	23CN1	140	230	***370***	05-11-23
192	Vu Thuy	Mai	12-03-05	2358010093	Khoa Thiết kế mỹ thuật	23DH3	190	180	***370***	05-11-23
193	Dang Thao	Minh	09-02-05	2358010097	Khoa Thiết kế mỹ thuật	23DH4	170	200	***370***	05-11-23
194	Doan Thi Kim	Ngan	07-12-05	2353030036	Khoa Quản lý đô thị	23TL	180	190	***370***	05-11-23
195	Nguyen Thi Nhu	Ngoc	10-07-05	2351010262	Khoa Kiến trúc	23K6	190	180	***370***	05-11-23
196	Tran Bao	Tam	19-11-05	2358010133	Khoa Thiết kế mỹ thuật	23DH1	230	140	***370***	05-11-23
197	Nguyen Minh	Thang	15-03-05	2351030190	Khoa Xây dựng	23X1	215	155	***370***	05-11-23
198	Dang Le	Vi	07-02-05	2358040084	Khoa Thiết kế mỹ thuật	23TT2	205	165	***370***	05-11-23
199	Nguyen Hien	Vy	30-06-05	2358010173	Khoa Thiết kế mỹ thuật	23DH2	165	205	***370***	05-11-23
200	Nguyen Huu Nhat	An	29-08-05	2354010002	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và Môi trường ĐT	23GT	185	180	***365***	05-11-23
201	Pham Duc	An	23-06-05	2351030004	Khoa Xây dựng	23X+	215	150	***365***	05-11-23
202	Nguyen Thi Ngoc	Anh	14-08-04	2358040010	Khoa Thiết kế mỹ thuật	23TT2	185	180	***365***	05-11-23
203	Tran Ha	Anh	20-10-05	2351050006	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và Môi trường ĐT	23D2	190	175	***365***	05-11-23
204	Vuong Thi Ngoc	Bich	11-04-05	2355020010	Khoa Công nghệ thông tin	23CDP2	155	210	***365***	05-11-23
205	Dinh Manh	Cuong	13-06-05	2355020011	Khoa Công nghệ thông tin	23CDP1	185	180	***365***	05-11-23
206	Nguyen Thi Nguyen	Hanh	30-10-05	2353030013	Khoa Quản lý đô thị	23TL	220	145	***365***	05-11-23
207	Nguyen Dai	Loc	21-06-05	2351010221	Khoa Kiến trúc	23K3	220	145	***365***	05-11-23
208	Bui Quoc	Manh	24-07-05	2355020057	Khoa Công nghệ thông tin	23CDP1	180	185	***365***	05-11-23

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN MIỄN HỌC, MIỄN THI
CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG VÀ TIẾNG ANH PHẦN 1

(Kèm theo Quyết định số: 631 /QĐ-ĐHKT-ĐT ngày 13 tháng 12 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội)

STT	Họ và tên		Ngày sinh	MSV	Khoa	Lớp	ĐIỂM TOEIC			Ngày thi
							Listening	Reading	Total	
209	Dinh Tuan	Nam	26-11-05	2351080081	Khoa Quản lý đô thị	23QL1	170	195	***365***	05-11-23
210	Nguyen Hoang	Phong	05-12-05	2353010079	Khoa Quản lý đô thị	23KX1	175	190	***365***	05-11-23
211	Phan Anh	Quoc	21-04-05	2351010301	Khoa Kiến trúc	23K5	200	165	***365***	05-11-23
212	Le The	Quyen	06-09-05	2351010414	Khoa Kiến trúc	23K5	200	165	***365***	05-11-23
213	Ngo Tuan	Son	11-10-05	2351050068	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và Môi trường ĐT	23D2	225	140	***365***	05-11-23
214	Lai Quang	Thanh	02-05-05	2351010330	Khoa Kiến trúc	23K2	205	160	***365***	05-11-23
215	Ninh Le Tien	Thanh	02-01-03	2353040052	Khoa Quản lý đô thị	23DE	210	155	***365***	05-11-23
216	Nguyen Thi Huyen	Thuong	22-03-05	2358010157	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và Môi trường ĐT	23DH4	210	155	***365***	05-11-23
217	Vu Quoc	Toan	06-08-05	2355020076	Khoa Công nghệ thông tin	23CDP2	190	175	***365***	05-11-23
218	Nguyen Quynh	Trang	19-05-05	2353020053	Khoa Quản lý đô thị	23IE	210	155	***365***	05-11-23
219	Le Minh	Tu	31-07-05	2355010179	Khoa Công nghệ thông tin	23CN3	190	175	***365***	05-11-23
220	Mai Xuan	Hai	07-03-05	2351010118	Khoa Kiến trúc	23K5	225	135	***360***	05-11-23
221	Nguyen Van Quang	Khai	05-11-05	2355010114	Khoa Công nghệ thông tin	23CN2	180	180	***360***	05-11-23
222	Le Bao	Lam	16-08-05	2351050096	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và Môi trường ĐT	23D1	240	120	***360***	05-11-23
223	Dinh Thi Mai	Linh	19-04-05	2353020024	Khoa Quản lý đô thị	23IE	165	195	***360***	05-11-23
224	Hoang Khanh	Ly	15-07-05	2351010224	Khoa Kiến trúc	23K4	205	155	***360***	05-11-23
225	Le Anh	Minh	15-06-05	2351010236	Khoa Kiến trúc	23K+	185	175	***360***	05-11-23
226	Nguyen Quang	Minh	03-03-05	2355010139	Khoa Công nghệ thông tin	23CN3	185	175	***360***	05-11-23
227	Tran Huu	Phuoc	16-01-05	2353010081	Khoa Quản lý đô thị	23KX1	205	155	***360***	05-11-23

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN MIỄN HỌC, MIỄN THI
CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG VÀ TIẾNG ANH PHẦN 1

(Kèm theo Quyết định số: 631/QĐ-ĐHKT-ĐT ngày 13 tháng 12 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC

STT	Họ và tên		Ngày sinh	MSV	Khoa	Lớp	ĐIỂM TOEIC			Ngày thi
							Listening	Reading	Total	
228	Nguyen Ha	Phuong	19-03-05	2353010082	Khoa Quản lý đô thị	23KX2	215	145	***360***	05-11-23
229	Le Tien	Quan	23-06-05	2355010161	Khoa Công nghệ thông tin	23CN1	145	215	***360***	05-11-23
230	Le Thi Thanh	Thao	09-03-05	2353010095	Khoa Quản lý đô thị	23KX1	180	180	***360***	05-11-23
231	Thanh Thi	Thuy	28-08-05	2351010347	Khoa Kiến trúc	23K2	215	145	***360***	05-11-23
232	Pham Thi Quynh	Trang	05-01-05	2358010160	Khoa Thiết kế mỹ thuật	23DH1	230	130	***360***	05-11-23
233	Nguyen Van	Truong	21-03-05	2355010202	Khoa Công nghệ thông tin	23CN2	210	150	***360***	05-11-23
234	Nguyen Thanh	Tung	30-10-05	2351030180	Khoa Xây dựng	23X3	210	150	***360***	05-11-23
235	Nguyen Thi Phuong	Uyen	20-05-05	2358040082	Khoa Thiết kế mỹ thuật	23TT2	220	140	***360***	05-11-23
236	Bui Thi Hoai	An	03-10-05	2351010001	Khoa Kiến trúc	23K1	205	150	***355***	05-11-23
237	Le Thi Ngoc	An	04-08-05	2358010001	Khoa Thiết kế mỹ thuật	23DH4	180	175	***355***	05-11-23
238	Le Mai	Anh	14-05-05	2358010011	Khoa Thiết kế mỹ thuật	23DH2	250	105	***355***	05-11-23
239	Mai Ngoc	Anh	25-02-05	2355020004	Khoa Công nghệ thông tin	23CDP2	155	200	***355***	05-11-23
240	Pham Xuan	Bach	05-08-05	2356010004	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và Môi trường ĐT	23ME	205	150	***355***	05-11-23
241	Nguyen Thanh	Dat	12-02-05	2351080022	Khoa Quản lý đô thị	23QL2	200	155	***355***	05-11-23
242	Nguyen Tien	Dong	07-12-05	2351080028	Khoa Quản lý đô thị	23QL2	180	175	***355***	05-11-23
243	Nguyen Thi Thu	Ha	06-08-05	2358040021	Khoa Thiết kế mỹ thuật	23TT1	165	190	***355***	05-11-23
244	Hoang Le Ngoc	Hiep	15-04-05	2351010126	Khoa Kiến trúc	23K+	180	175	***355***	05-11-23
245	Pham Gia	Khanh	04-07-05	2351080059	Khoa Quản lý đô thị	23QL1	205	150	***355***	05-11-23
246	Duong Vu	Minh	25-10-05	2351010233	Khoa Kiến trúc	23K4	165	190	***355***	05-11-23

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN MIỄN HỌC, MIỄN THI
CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG VÀ TIẾNG ANH PHẦN 1

(Kèm theo Quyết định số: 631/QĐ-ĐHKT-ĐT ngày 13 tháng 12 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội)

STT	Họ và tên		Ngày sinh	MSV	Khoa	Lớp	ĐIỂM TOEIC			Ngày thi
							Listening	Reading	Total	
247	Hoang Dang Thao	Nguyen	11-11-05	2351010264	Khoa Kiến trúc	23K1	220	135	***355***	05-11-23
248	Hoang Thi Mai	Thi	26-03-05	2351010342	Khoa Kiến trúc	23K6	190	165	***355***	05-11-23
249	Do Thi Anh	Thu	27-10-04	2351010351	Khoa Kiến trúc	23K5	180	175	***355***	05-11-23
250	Tran Thi Thuy	Duong	18-09-05	2358010040	Khoa Thiết kế mỹ thuật	23DH1	140	210	***350***	05-11-23
251	Nguyen Minh	Hai	01-09-05	2353010031	Khoa Quản lý đô thị	23KX1	240	110	***350***	05-11-23
252	Duong Giang	Huy	26-01-05	2351010141	Khoa Kiến trúc	23K3	170	180	***350***	05-11-23
253	Nguyen Duc Nhat	Khang	20-08-05	2351090025	Khoa Xây dựng	23VL	175	175	***350***	05-11-23
254	Pham Ngo Gia	Linh	13-10-05	2356020121	Khoa Xây dựng	23DA3	175	175	***350***	05-11-23
255	Nguyen Tran Tuan	Minh	08-08-05	2351010243	Khoa Kiến trúc	23K+	245	105	***350***	05-11-23
256	Dang Thi Phuong	Nga	06-09-05	2355010146	Khoa Công nghệ thông tin	23CN2	190	160	***350***	05-11-23
257	Kieu Minh	Quan	17-05-05	2351010294	Khoa Kiến trúc	23K2	135	215	***350***	05-11-23
258	Chu Xuan	Quyen	10-05-05	2351010303	Khoa Kiến trúc	23K+	230	120	***350***	05-11-23
259	Nguyen Le	Tuyet	07-01-05	2353030046	Khoa Quản lý đô thị	23TL	210	140	***350***	05-11-23

(Danh sách gồm 259 sinh viên)